

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

*(Ban hành theo Quyết định Số 2033/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Mã số ngành đào tạo: 7310205

Nghệ An, 2021

MỤC LỤC

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	4
DANH SÁCH BẢNG	5
DANH SÁCH HÌNH	5
PHẦN 1. MỞ ĐẦU.....	6
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	7
2.1. Thông tin chung.....	Error! Bookmark not defined.
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo.....	7
2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	8
2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp	10
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	10
2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập	11
2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	11
2.8. Đối sánh chương trình đào tạo.....	14
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học.....	20
3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT.....	20
3.4. Kế hoạch giảng dạy.....	21
3.5. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học	26
3.6. Ma trận kỹ năng.....	28
PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN.....	28
PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	29
PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	53
PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	58
PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CDR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN	Error!
Bookmark not defined.	

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CTĐT	Chương trình đào tạo
PO	Mục tiêu chương trình đào tạo
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
CO	Mục tiêu học phần
CLO	Chuẩn đầu ra học phần
LLO	Chuẩn đầu ra bài học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	8
Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập	11
Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT.....	13
Bảng 3.1. Ánh xạ các mô-đun của CTDH tới CĐR của CTĐT	20
Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH	24
Bảng B1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần.....	Error! Bookmark not defined.

DANH SÁCH HÌNH

Hình 3.1. Ma trận kỹ năng.....	Error! Bookmark not defined.
---------------------------------------	-------------------------------------

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

Trường Đại học Vinh (trước đây là Trường Đại học Sư phạm Vinh) được thành lập ngày 16/7/1959 theo Nghị định số 375/NĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Trải qua hơn 62 năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành, Trường Đại học Vinh ngày càng khẳng định được vị thế trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và trên thế giới.

Trường Đại học Vinh có đội ngũ cán bộ cơ bản đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu với 1.036 cán bộ, viên chức, trong đó có 49 giáo sư, phó giáo sư, 300 tiến sĩ, 495 thạc sĩ... Nhà trường đã đào tạo trên 80.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 6.500 thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế. Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường tập trung trên 3 lĩnh vực: khoa học cơ bản, khoa học giáo dục và khoa học công nghệ, ứng dụng - triển khai. Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2018 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường Đại học Vinh đã xác định sứ mạng để định hướng cho mọi hoạt động của Nhà trường; đồng thời tuyên bố, cam kết về những trọng trách chủ yếu nhất của Nhà trường đối với hệ thống giáo dục, đào tạo và xã hội là: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học. Sứ mạng của Nhà trường phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An, khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn là đơn vị thuộc Trường Đại học Vinh, được thành lập theo Nghị quyết số 12 ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh. Trường có chức năng đào tạo trình độ đại học và sau đại học, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn đào tạo cử nhân Luật học, Luật Kinh tế, Chính trị học, Du lịch, Việt Nam học, Quản lý nhà nước, Quản lý văn hóa, Công tác xã hội; đào tạo nghiên cứu sinh chuyên ngành Chính trị học; và cao học Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, cao học Chính trị học. Về đội ngũ giảng viên, Trường Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn có 70 cán bộ, giảng viên, trong đó có 3 PGS, 30 TS.

Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn đang trong quá trình phát triển, với mục tiêu trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; có tiềm lực, vị thế và uy tín ở Trường Đại học Vinh và trên phạm vi cả nước. Để khối ngành đào tạo khoa học xã hội và nhân văn xứng tầm với thương hiệu đã được khẳng định, tiếp tục khẳng định

là một trung tâm đào tạo cử nhân ngành khoa học xã hội và nhân văn của cả nước, cung cấp nguồn nhân lực làm công tác xã hội, chính trị, pháp lý chất lượng cao, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn đang tiếp tục xây dựng, phát triển để trở thành Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Trong quá đổi mới đất nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhu cầu về đào tạo các ngành Quản lý nhà nước, Chính trị học, Quản lý văn hóa, Báo chí, Luật học, Công tác xã hội,... ở các trình độ khác nhau trở nên cấp thiết. Việc bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước nói riêng và các ngành thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học Việt Nam ngang tầm với khu vực và quốc tế, trước mắt là phù hợp với chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO, đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu của nhà tuyển dụng.

- Để học tốt chương trình đào tạo này, sinh viên cần:

- + Xây dựng kế hoạch học tập
- + Học qua Hệ thống E-learning
- + Sử dụng hệ thống LMS

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

1.	Tên ngành đào tạo:	Quản lý nhà nước
2.	Mã số ngành đào tạo:	7310205
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	4 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân quản lý nhà nước
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Các ngành khoa học XH&NV
7.	Hình thức đào tạo:	Tập trung
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	126
9.	Thang điểm:	10 (điểm số), 4 (điểm chữ)
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	9/2021
12.	Phiên bản chỉnh sửa:	9/2021

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo cử nhân quản lý nhà nước có kiến thức cơ bản, chuyên sâu về lĩnh vực quản lý nhà nước, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức và tác phong làm việc chuyên nghiệp; có năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.	
Mục tiêu cụ thể:	
PO1:	Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn và kiến thức cơ bản, chuyên sâu về quản lý nhà nước
PO2:	Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp; có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quản lý nhà nước
PO3:	Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và hợp tác đa ngành
PO4:	Có năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá hoạt động quản lý nhà nước trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (cấp độ 2)

Ký hiệu CDR	Chủ đề CDR	TĐNL
1	Kiến thức và lập luận ngành	
PLO 1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật và khoa học xã hội – nhân văn vào lĩnh vực quản lý nhà nước	K3
PLO 1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành quản lý nhà nước	K3
PLO 1.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành quản lý nhà nước	K4
2.	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
PLO 2.1	Thể hiện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, tham vấn, tư vấn và phát triển năng lực cá nhân	S3
POL 2.2	Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp	A3
3	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
PLO 3.1	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm trong quản lý nhà nước	S3
PLO 3.2	Thể hiện kỹ năng giao tiếp trong quản lý nhà nước	S3
4	Năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước	
PLO 4.1	Phân tích bối cảnh xã hội, môi trường, nghề nghiệp và tổ chức	K3
PLO 4.2	Hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và đánh giá hoạt động trong quản lý nhà nước	C4

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
PO1	✓	✓	✓						
PO2				✓	✓				
PO3						✓	✓		
PO4								✓	✓

2.4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (cấp độ 3)

Ký hiệu CDR	Chủ đề CDR	TĐNL
1	Kiến thức và lập luận ngành	
PLO 1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật và khoa học xã hội – nhân văn vào lĩnh vực quản lý nhà nước	
1.1.1	Trình bày kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật	K2
1.1.2	Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn trong bối cảnh nghề nghiệp và xã hội	K3
PLO 1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành quản lý nhà nước	
1.2.1	Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và quản lý nhà nước	K3
1.2.2	Áp dụng kiến thức cơ sở ngành để phát triển nghề nghiệp	K3
PLO 1.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành quản lý nhà nước	
1.3.1	Giải thích kiến thức chuyên sâu về quản lý nhà nước	K3
1.3.2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu vào hoạt động quản lý nhà nước	K4
2.	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
PLO 2.1	Thể hiện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, tham vấn, tư vấn và phát triển năng lực cá nhân	
2.1.1	Thể hiện kỹ năng phát hiện vấn đề, tham vấn, tư vấn trong quản lý nhà nước	S3
2.1.2	Có khả năng thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế	S3
2.1.3	Thể hiện tư duy hệ thống, tư duy phản biện và khám phá tri thức trong nghiên cứu lĩnh vực quản lý nhà nước	S3
2.1.4	Quản lý thời gian và nguồn lực trong quản lý nhà nước	S3
2.1.5	Thể hiện kỹ năng nghiên cứu khoa học chuyên ngành quản lý nhà nước	S3
POL 2.2	Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp	
2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng	A3
2.2.2	Thể hiện đạo đức công vụ, hành xử chuyên nghiệp trong quản lý nhà nước	A3
3	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
PLO 3.1	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm trong quản lý nhà nước	
3.1.1	Có khả năng làm việc nhóm trong ngành quản lý nhà nước	S3
3.1.2	Có khả năng hợp tác đa ngành	S3
PLO 3.2	Thể hiện kỹ năng giao tiếp trong quản lý nhà nước	

3.2.1	<i>Thể hiện kỹ năng giao tiếp trực tiếp và giao tiếp bằng văn bản trong quản lý nhà nước</i>	S3
3.2.2	<i>Có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh, giao tiếp đa phương tiện trong quản lý nhà nước</i>	S3
4	Năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước	
PLO 4.1	Phân tích bối cảnh xã hội, môi trường, nghề nghiệp và tổ chức	
4.1.1	<i>Phân tích bối cảnh quốc tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước</i>	K3
4.1.2	<i>Phân tích vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức</i>	K3
4.1.3	<i>Phân tích cơ cấu và các bên liên quan của cơ quan quản lý nhà nước</i>	K3
4.1.4	<i>Xây dựng mục tiêu, chiến lược, kế hoạch của cơ quan quản lý nhà nước</i>	K3
PLO 4.2	Hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và đánh giá hoạt động trong quản lý nhà nước	
4.2.1	<i>Hình thành ý tưởng trong quản lý nhà nước</i>	C3
4.2.2	<i>Lập kế hoạch trong quản lý nhà nước</i>	C3
4.2.3	<i>Thực hiện kế hoạch trong quản lý nhà nước</i>	C3
4.2.4	<i>Đánh giá hoạt động quản lý nhà nước</i>	C4

2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý nhà nước có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

- Làm cán sự/chuyên viên thuộc các cơ quan công quyền, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức đoàn thể, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội khu vực công và khu vực tư.

- Làm nghiên cứu viên về khoa học hành chính, khoa học quản lý ở các cơ sở nghiên cứu, cơ quan tham mưu hoạch định chiến lược, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Giảng dạy về khoa học hành chính, khoa học quản lý tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

- Có thể tiếp tục học ở bậc thạc sĩ và tiến sĩ các chuyên ngành: Quản lý nhà nước, Luật, Chính trị học, Chính sách công, v.v..

2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.5.1. Tuyển sinh

Theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Vinh.

2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ 126 tín chỉ của CTĐT;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;
- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, tin học, có chứng chỉ Giáo dục-Quốc phòng, Giáo dục thể chất theo quy định và hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường.

2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

Hoạt động GD và HT	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Thuyết trình	✓	✓	✓					✓	✓
Thảo luận	✓		✓	✓		✓	✓	✓	✓
Tự học	✓	✓	✓		✓				✓
Bài tập		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓

2.6.1. Thuyết trình

Thuyết trình là phương pháp dạy học bằng lời nói của người dạy để trình bày kiến thức mới hoặc tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống. Dạy học theo phương pháp thuyết trình cho phép người dạy truyền đạt những nội dung lý thuyết tương đối khó, phức tạp, chứa đựng nhiều thông tin mà người học khó tự tìm hiểu được một cách sâu sắc; giúp người học hiểu được hình mẫu về cách tư duy logic, cách đặt và giải quyết vấn đề khoa học, cách sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt những vấn đề khoa học một cách chính xác, rõ ràng, xúc tích thông qua cách trình bày của người dạy; tạo điều kiện phát triển năng lực chú ý và kích thích tính tích cực tư duy của người học, vì có như vậy người học mới hiểu được lời giảng của người dạy và mới ghi nhớ được bài học. Ngoài ra, thuyết trình cho phép người dạy truyền đạt một khối lượng tri thức khá lớn cho nhiều người học trong cùng một lúc.

2.6.2. Hướng dẫn

Hướng dẫn là phương pháp dạy học tập trung vào việc cung cấp cho người học những kỹ năng cần thiết. Dạy học theo phương pháp hướng dẫn không có nghĩa là giảng dạy ít hơn, mà là biết phải dạy gì và vào thời điểm nào. Trong quá trình hướng dẫn, người dạy chỉ đưa ra gợi ý hoặc đặt ra các câu hỏi gợi mở để người học tự giải quyết vấn đề. Sau khi người học đưa ra phương án

giải quyết, người dạy chia sẻ những sai lầm mà người học đã gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2.6.3. Tự học

Tự học là hình thức tổ chức dạy học cơ bản ở bậc đại học, đặc biệt là trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Tự học là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính bản thân người học tiến hành ngoài giờ học ở lớp, theo hoặc không theo chương trình đã được qui định. Tự học giúp người học rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu và khám phá tri thức; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa tri thức; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê phán và ý chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

2.6.4. Thảo luận

Thảo luận là phương pháp dạy học trong đó giáo viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giáo viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới cho giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, có thể giúp người học rút ra được những giải pháp mới từ các ý kiến khác nhau. Ngoài ra, phương pháp này còn khiến người học chú tâm hơn đến các đề tài đang được thảo luận; giúp cho những ý tưởng và sự thể nghiệm của người học được tôn trọng; giúp cho người học hiểu rõ được những đặc điểm của quá trình thảo luận dân chủ; giúp người học phát triển khả năng trao đổi suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích và tổng hợp.

2.6.5. Hoạt động nhóm

Hoạt động nhóm là một trong những phương pháp dạy nhằm phát huy tính tích cực của người học, lấy hoạt động của người học làm trung tâm. Hoạt động nhóm là cách thức trao đổi ý kiến, quan điểm giữa người học trong một nhóm với nhau và trong một khoảng thời gian nhất định một về một vấn đề học tập hay một vấn đề của cuộc sống có liên quan đến nội dung học tập. Kết quả của từng nhóm sẽ được trình bày để thảo luận chung trước khi giáo viên đi đến kết luận cuối cùng. Hoạt động nhóm nhằm tạo cơ hội tối đa cho người học bộc lộ hiểu biết quan điểm của mình về nội dung, phương pháp học tập; rèn luyện khả năng diễn đạt, cách thức tư duy và ý tưởng của cá nhân; tạo điều kiện cho người học có thể học hỏi lẫn nhau; đề cao tinh thần hợp tác, rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong học tập cho người học; giúp cho giáo viên nắm được thông tin ngược từ phía người học.

2.6.6. Nghiên cứu tình huống

Nghiên cứu tình huống là một phương pháp dạy học giải quyết vấn đề trong đó các tình huống là đối tượng chính của quá trình dạy học. Trong phương pháp dạy học này giảng viên cung

cấp cho sinh viên tình huống dạy học, sinh viên tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này có các ưu điểm nổi bật như: tăng tính thực tiễn của môn học, giảm thiểu rủi ro cho người học trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của người học. Ngoài ra, dạy học bằng phương pháp nghiên cứu tình huống cũng tạo cơ hội cho người học phát triển toàn diện các kỹ năng như: kỹ năng phân tích để xác định vấn đề, kỹ năng xây dựng và viết tình huống, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề/quan điểm trước tập thể, kỹ năng tranh luận và bảo vệ ý kiến.

2.6.7. Học dựa trên đồ án

Học dựa vào trên đồ án là phương pháp tổ chức dạy học thông qua các dự án hay đề tài thực tế. Phương pháp học dựa trên đồ án chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống. Bên cạnh đó, phương pháp học dựa trên đồ án còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi được những sở thích của mình và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong đồ án. Phương pháp này có thể giúp đạt được chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO như: lập giả thiết; kỹ năng hình thành ý tưởng - triển khai; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phát hiện, phân tích, giải quyết các vấn đề chính trị-xã hội.

2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

2.7.1. Các hình thức đánh giá

Các học phần được đánh giá bao gồm đánh giá quá trình (chuyên cần, thái độ, mức độ tích cực tham gia vào quá trình học tập), đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc học phần. Các hình thức đánh giá được sử dụng để phù hợp với CĐR của CTĐT được mô tả như Bảng 2.3.

*** Các hình thức đánh giá, tiêu chí đánh giá và mối liên hệ giữa các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT**

Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của CTĐT								
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Hoạt động nhóm	Rubrics	✓		✓	✓		✓	✓		
Bài tập	Đáp án	✓	✓	✓	✓					
Trắc nghiệm khách quan	Đáp án	✓	✓	✓						
Tự luận	Đáp án	✓		✓		✓		✓	✓	

Tiểu luận	Rubrics	✓		✓		✓			✓	✓
Đồ án	Rubrics			✓		✓	✓	✓	✓	✓

2.7.1.1. Đánh giá ý thức và thái độ học tập

Đánh giá ý thức học tập là đánh giá mức độ chuyên cần mà sinh viên phải tham gia lớp học. Đánh giá thái độ học tập là đánh giá mức độ sinh viên thể hiện thái độ tích cực và hợp tác trong lớp cũng như trong tinh thần đồng đội khi thực hiện nhóm. Tính chuyên cần và thái độ học tập của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí ở Bảng Rubric 1 hoặc Rubric 2 tùy thuộc vào các học phần lý thuyết/đồ án hay học phần có thực tập.

2.7.1.2. Đánh giá hồ sơ học phần

Đối với hồ sơ học phần, sinh viên bắt buộc phải làm bài tập liên quan đến các bài học học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm (được đánh giá theo các tiêu chí trong Bảng Rubric 3). Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng những yêu cầu về các học liệu kèm theo học phần của giảng viên.

2.7.1.3. Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm

Hình thức trắc nghiệm là dạng kiểm tra trong đó mỗi câu hỏi kèm theo câu trả lời sẵn. Loại câu hỏi này cung cấp cho sinh viên một phần hay tất cả thông tin cần thiết và đòi hỏi sinh viên phải chọn một hay nhiều giải pháp trả lời đúng nhất. Loại câu hỏi này được gọi là trắc nghiệm khách quan vì chúng đảm bảo tính khách quan, chính xác, ổn định và không phụ thuộc vào người chấm; đồng thời nó cho phép đánh giá được toàn bộ những khả năng của người học theo sự phân loại (ghi nhớ thông tin, thông hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá). Bài trắc nghiệm thường có số câu hỏi nhiều hơn bài tự luận.

2.7.1.4. Đánh giá theo hình thức tự luận

Sinh viên phải trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến yêu cầu kiến thức của học phần. Các yêu cầu của câu hỏi trong các đề thi được thiết kế để đánh giá kết quả học tập của học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong hình thức này là từ 1 đến 10 theo đáp án của đề thi.

2.7.1.5. Đánh giá viết báo cáo

Sinh được đánh giá thông qua báo cáo về chủ đề giáo viên yêu cầu, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, định dạng trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá của phương pháp này được thể hiện trong Bảng Rubric 4.

2.7.1.6. Đánh giá thuyết trình

Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình theo một chủ đề nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên. Giảng viên cho điểm sinh viên thông qua buổi trình bày báo cáo, đưa ra các câu hỏi trực tiếp và nhận các câu trả lời. Các tiêu chí để đánh giá sinh viên qua hoạt động thuyết trình được mô tả trong Bảng Rubric 5.

2.7.2. Cách đánh giá

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Vinh (*Ban hành kèm theo Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh*).

2.7.2.1. Thang điểm đánh giá

Bảng 2.4. Thang điểm đánh giá học phần

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A	8.5-10.0	4.0

B+	8.0-8.4	3.5
B	7.0-7.9	3.0
C+	6.5-6.9	2.5
C	5.5-6.4	2.0
D+	5.0-5.4	1.5
D	4.0-4.9	1.0
F	<4.0	0.0

2.7.2.2. Thành phần và điểm đánh giá học phần

Thành phần và điểm đánh giá học phần được quy định như Bảng 2.5.

Bảng 2.5. Thành phần và điểm đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Tỷ lệ
1. Đánh giá quá trình	50%
1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
1.2. Đánh giá hồ sơ học phần Hồ sơ có thể là bài tập cá nhân, báo cáo bài tập nhóm, báo cáo kết quả thảo luận, minh chứng sản phẩm học tập... Tùy theo đặc thù học phần mà giảng viên quy định các sản phẩm cụ thể.	20%
1.3. Đánh giá giữa kỳ Nếu số tín chỉ lý thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. Nếu số tín chỉ lý thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	20%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần Học phần chỉ có lý thuyết: điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kỳ và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...) Học phần có cả lý thuyết và đồ án: điểm đánh giá cuối kỳ là điểm báo cáo đồ án.	50%
3. Công thức tính điểm học phần 3.1. Học phần chỉ có lý thuyết: Điểm học phần lý thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a1 \times 0.1 + a2 \times 0.2 + a3 \times 0.2 + a4 \times 0.5$. Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần. 3.2. Học phần bao gồm cả lý thuyết và đồ án: $a = a1 \times 0.1 + a2 \times 0.2 + a3 \times 0.2 + (a4 * m + a5 * n) * 0.5 / (m + n)$. Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a4: điểm đánh giá thi kết thúc phần lý thuyết; a5: điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lý thuyết; n: số tiết đồ án. 3.2. Học phần thực tập cuối khóa: - Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a1 \times 0.5 + a2 \times 0.5$ Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a1: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a2: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.	

2.8. Đối sánh chương trình đào tạo

**Bảng đối sánh CTĐT của Trường Đại học Vinh với CTĐT của các cơ sở đào tạo khác:
Trường Đại học Quy Nhơn; Học viện Báo chí và Tuyên truyền Hà Nội**

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Vinh	Trường Đại học Quy Nhơn	Học viện Báo chí – Tuyên truyền Hà Nội
<i>Mục tiêu tổng quát</i>	Đào tạo cử nhân QLNN có kiến thức cơ bản, chuyên sâu về lĩnh vực quản lý nhà nước, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức và tác phong làm việc chuyên nghiệp; có năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động QLNN trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.	Đào tạo cử nhân QLNN cơ bản đạt chuẩn nghề nghiệp theo các quy định hiện hành.	Đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ đại học, có lập trường chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, nắm vững kiến thức chuyên môn về QLHCNN; có khả năng tham mưu, tư vấn cho các cấp chính quyền, các cơ quan chuyên môn trong bộ máy nhà nước về lãnh đạo, QLHCNN; có khả năng trực tiếp tham gia quản lý những lĩnh vực khác nhau thuộc các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp; có khả năng nghiên cứu và giảng dạy môn học QLHCNN; có cơ hội học tập bậc SDH ngành QLNN trong và ngoài nước.
<i>Mục tiêu cụ thể</i>	- Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn và kiến thức cơ bản, chuyên sâu về quản lý nhà nước; kiến thức về tin học và ngoại ngữ. - Có kỹ năng giao tiếp, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quản lý nhà nước - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp	- Kiến thức cơ bản, hiện đại về nền hành chính nhà nước và QLNN; kiến thức về sự phát triển kinh tế- xã hội Việt Nam bối cảnh hiện nay; kiến thức về tin học và ngoại ngữ. - Kỹ năng: kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác; kỹ năng thực công việc, xử lý tình huống.	- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, quốc phòng an ninh; kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất; kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành QLNN; kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng và ngoại ngữ - Có kỹ năng xử lý tình huống; tiếp cận, xử lý thông tin; giao tiếp, hợp tác; sử dụng dụng ngôn ngữ lời nói, văn bản; nhận diện, tham vấn, xử lý các tình huống quản lý hành chính nhà nước... - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong làm việc khoa học và văn hóa giao tiếp

	- Có năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá hoạt động quản lý nhà nước trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế	- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: tự định hướng, thích nghi với công trong những môi trường khác nhau; tự học tập, tích lũy, cập nhật kiến thức, kinh nghiệm; đưa ra các quyết định; lập kế hoạch; đánh giá và cải tiến các hoạt động hành chính, công vụ.	
<i>Chuẩn đầu ra</i>			
Cấp 1	- Kiến thức và lập luận ngành - Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp - Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp - Năng lực CDIO	- Yêu cầu tối thiểu về kiến thức - Yêu cầu tối thiểu về kỹ năng - Yêu cầu tối thiểu về thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp	- Kiến thức - Kỹ năng - Năng lực tự chủ và trách nhiệm
Cấp 2	- Kiến thức và lập luận ngành + Kiến thức cơ bản về chính trị và khoa học xã hội - nhân văn + Kiến thức tin học, ngoại ngữ + Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành + Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành - Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp + Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quản lý + Nghiên cứu, khám phá tri thức + Phát triển năng lực cá nhân	- Yêu cầu tối thiểu về kiến thức + Kiến thức cơ bản, chuyên sâu và có hệ thống về nền hành chính nhà nước và QLNN + Kiến thức về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh - quốc phòng - Yêu cầu tối thiểu về kỹ năng + Kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề + Kỹ năng tiếp cận, xử lý thông tin + Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu + Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp + Kỹ năng thích nghi với các điều kiện, môi	- Kiến thức + Kiến thức đại cương + Kiến thức cơ sở ngành + Kiến thức ngành + Kiến thức chuyên ngành - Kỹ năng + Kỹ năng chung: xử lý tình huống; tiếp cận, xử lý thông tin; hợp tác; sử dụng dụng ngôn ngữ lời nói, văn bản... + Kỹ năng chuyên biệt cho chuyên ngành quản lý hành chính nhà nước: nhận diện, tham vấn, xử lý các tình huống quản lý hành chính nhà nước;

	+ Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp + Phẩm chất chính, đạo đức, tác phong nghề nghiệp - Năng lực CDIO + Phân tích bối cảnh xã hội, môi trường, nghề nghiệp và tổ chức + Hình thành ý tưởng-lập kế hoạch - thực hiện - đánh giá hoạt động QLNN	trường làm việc, các mối quan hệ xã hội khác nhau. - Yêu cầu tối thiểu về thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp + Có nhận thức và thái độ ứng xử theo các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp + Trung thực, tận tụy, khiêm tốn, tự giác, cầu thị, cầu tiến, tôn trọng và tuân thủ kỷ luật + Có ý thức và thể hiện trách nhiệm đối với Tổ quốc, nhân dân, cơ quan, đơn vị.	thực hiện công việc quản lý hành chính nhà nước... - Năng lực tự chủ và trách nhiệm + Thích nghi với môi trường làm việc và các hoạt động quản lý hành chính nhà nước + Dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán sự trong cơ quan, tổ chức + Lập lập kế hoạch, điều phối, phát huy dân chủ, sự sáng tạo và năng lực của tập thể, cá nhân khác; liên kết và phối hợp + Phát triển năng lực cá nhân: học tập, tích lũy tri thức, kinh nghiệm + Sử dụng và quản lý thời gian phù hợp + Làm việc dưới áp lực của môi trường quản lý
Đề cương chương trình	CDIO	Thông thường	Thông thường
Số tín chỉ	126 TC	135 TC	132 TC

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Bảng 3.1. Sự tương thích giữa các mô-đun của CTDH với CDR của CTĐT

Các mô-đun		Số TC	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo								
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Giáo dục đại cương	1. Lý luận chính trị và khoa học xã hội - nhân văn	35	27,8%	✓			✓		✓	✓		
	2. Tin học và ngoại ngữ	10	7,9%	✓						✓		
Giáo dục chuyên nghiệp	4. Cơ sở ngành	37	29,4%		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓
	5. Chuyên ngành	44	34,9%			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tổng		126	100%									

3.2. Các học phần theo mô – đun

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
Giáo dục đại cương			45
Các học phần đại cương chung (21)			21
1	POL11001	Triết học Mác-Lênin	3
2	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
3	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	POL11004	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	2
5	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6	ENG10001	Tiếng Anh 1	3
7	ENG10002	Tiếng Anh 2	4
8	INF20002	Tin học	3
Các học phần đại cương khối ngành			24
9	PLA20001	Nhập môn ngành chính trị - luật	3
10	POL20001	Lôgic hình thức	3
11	LAW21001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	5
12	LAW30006	Luật hiến pháp	4
13	SOW20001	Xã hội học đại cương	3
14	Tự chọn 1		3
15	Tự chọn 2		3
Giáo dục chuyên nghiệp			81
Các học phần cơ sở ngành			37
16	SMT20001	Đại cương về quản lý nhà nước	3
17	SMT30014	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	3
18	SMT30001	Kinh tế học đại cương	4
19	SMT31004	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam	3
20	POL20002	Lịch sử triết học	3
21	LAW31004	Luật dân sự	4
22	LAW30036	Xây dựng văn bản pháp luật	3
23	LAW31005	Luật hành chính	4
24	LAW31007	Luật hình sự	4

25	SMT21002	Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước	4
26		Tự chọn 3	2
	Các học phần chuyên ngành		44
27	POL30015	Chính trị với quản lý xã hội	4
28	POL30026	Chính sách công	3
29	POL30021	Hành chính học	4
30	POL30032	Khoa học quản lý	3
31	SMT30011	Quản lý nhà nước về kinh tế	4
32	SMT30017	Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ	3
33	SMT30006	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ	4
34	SMT30018	Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo	3
35	SMT31002	Tổ chức chính quyền cơ sở	3
36	SMT30010	Văn hóa công sở và đạo đức công vụ	3
37		Tự chọn 4	2
38	SMT31013	Thực tập và đồ án tốt nghiệp	8

Tự chọn 1: Chọn 1 trong 3 học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
1	LAW20025	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3
2	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	3
3	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3

Tự chọn 2: Chọn 1 trong 3 học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
1	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3
2	ECO21004	Kinh tế học vĩ mô	3
3	EDU20004	Tâm lý học đại cương	3

Tự chọn 3: Chọn 1 trong 3 học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
1	SMT30003	Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính	2
2	POL30019	Công tác đảng và Công tác đoàn thể	2
3	SMT30016	Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam	2

Tự chọn 4: Chọn 1 trong 3 học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
1	SMT30008	Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức	2
2	POL30025	Xây dựng Đảng	2
3	SMT30015	Quản lý nhà nước về quốc phòng an ninh	2

3.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

TT	Mã HP	Tên học phần	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
	Giáo dục đại cương										
	Các học phần đại cương chung (21)										
1	POL11001	Triết học Mác-Lênin	✓			✓	✓				
2	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	✓			✓	✓				
3	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	✓			✓	✓				
4	POL11004	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	✓			✓	✓				
5	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	✓			✓	✓				
6	ENG10001	Tiếng Anh 1	✓			✓			✓		
7	ENG10002	Tiếng Anh 2	✓			✓			✓		
8	INF20002	Tin học	✓			✓			✓		
	Các học phần đại cương khối ngành										
9	PLA20001	Nhập môn ngành Chính trị -Luật	✓			✓	✓	✓		✓	✓
10	POL20001	Lôgic hình thức	✓			✓			✓		
11	LAW30006	Luật hiến pháp		✓			✓			✓	
12	LAW21001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	✓				✓			✓	
13	SOW20001	Xã hội học đại cương	✓				✓			✓	
14		Tự chọn 1									
15		Tự chọn 2									
	Giáo dục chuyên nghiệp										
	Các học phần cơ sở ngành										
16	SMT20001	Đại cương về quản lý nhà nước		✓		✓	✓			✓	
17	SMT30014	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam		✓		✓		✓		✓	
18	SMT30001	Kinh tế học đại cương		✓		✓	✓	✓		✓	✓
19	SMT31004	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam		✓		✓	✓				
20	POL20002	Lịch sử triết học		✓		✓	✓				
21	LAW31004	Luật dân sự		✓		✓	✓	✓		✓	✓

22	LAW31005	Luật hành chính		✓		✓	✓	✓		✓	✓
23	LAW31007	Luật hình sự		✓		✓				✓	
24	SMT21002	Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước		✓		✓	✓				
25	LAW30036	Xây dựng văn bản pháp luật		✓		✓			✓		
26		Tự chọn 3									
	Các học phần chuyên ngành										
27	POL30015	Chính trị với quản lý xã hội			✓	✓	✓	✓		✓	
28	POL30026	Chính sách công			✓	✓				✓	
29	POL30021	Hành chính học			✓	✓	✓	✓		✓	✓
30	POL30032	Khoa học quản lý			✓				✓	✓	
31	SMT30011	Quản lý nhà nước về kinh tế			✓	✓		✓		✓	
32	SMT30017	Quản lý nhà nước về GD - ĐT, KH- CN			✓	✓		✓		✓	
33	SMT30006	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ			✓	✓	✓	✓		✓	✓
34	SMT30018	Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo			✓	✓		✓		✓	
35	SMT31002	Tổ chức chính quyền cơ sở			✓		✓		✓	✓	
36	SMT30010	Văn hóa công sở và đạo đức công vụ			✓		✓		✓	✓	
37		Tự chọn 4									
38	SMT31013	Thực tập và đồ án tốt nghiệp			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Các học phần tự chọn										
	Tự chọn 1										
1	LAW20004	Lịch sử nhà nước và pháp luật	✓					✓		✓	
2	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	✓					✓		✓	
3	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	✓					✓		✓	
	Tự chọn 2										
1	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	✓			✓				✓	
2	ECO21004	Kinh tế học vĩ mô	✓			✓				✓	

3	EDU20004	Tâm lý học đại cương	✓			✓				✓	
	Tự chọn 3										
1	SMT30003	Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính		✓		✓				✓	
2	POL30019	Công tác Đảng và Công tác đoàn thể		✓		✓				✓	
3	SMT30016	Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam		✓		✓				✓	
	Tự chọn 4										
1	SMT30008	Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức			✓		✓			✓	
2	POL30025	Xây dựng Đảng			✓		✓			✓	
3	SMT30015	Quản lý nhà nước về quốc phòng-an ninh			✓		✓			✓	

3.4. Kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch giảng dạy của CTDH được mô tả trong Bảng 3.3, trong đó các ký hiệu như sau:

(1) Loại học phần: × – bắt buộc, √ – tự chọn; (2) LT – lý thuyết, TH – thực hành, TL – thảo luận, BT – bài tập, ĐA – đồ án.

Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của chương trình dạy học

TT	Mã HP	Tên học phần	Loại HP	Số TC	Số tiết				Mô đun	Phân kỳ
					LT	TH	TL/BT	ĐA		
1	PLA20001	Nhập môn ngành chính trị- luật	X	3	15			30	GDĐC	1
2	LAW21001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	X	5	50		25		GDĐC	1
3	POL20001	Lôgic hình thức	X	3	30		15		GDĐC	1
4	ENG10001	Tiếng Anh 1	X	3	30		15		GDĐC	1
5	POL11001	Triết học Mác- Lênin	X	3	30		15		GDĐC	1
6	POL11002	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	X	2	20		10		GDĐC	2
7	LAW30006	Luật hiến pháp	X	4	40		20		GDCN	2
8	SOW20001	Xã hội học đại cương	X	3	30		15		GDĐC	2
9	ENG10002	Tiếng Anh 2	X	4	45		15		GDĐC	2
10		Tự chọn 1	✓	3	30		15		GDĐC	2
	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quân sự)	X	(3)	45	0			GDĐC	1-3

	NAP10002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác QPAN)	X	(2)	30	0			GDĐC	1-3
	NAP10003	Giáo dục quốc phòng 3 (QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...)	X	(3)	15	30			GDĐC	1-3
	SPO10001	Giáo dục thể chất	X	(5)	15	60			GDĐC	1-3
11	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	2	20		10		GDĐC	3
12	SMT30001	Kinh tế học đại cương	X	4	30			30	GDCN	3
13	INF20002	Tin học nhóm ngành	X	3	30	15			GDĐC	3
14	LAW30036	Xây dựng văn bản pháp luật	X	3	30		15		GDĐC	3
15		Tự chọn 2	✓	3	30		15		GDĐC	3
16	SMT20001	Đại cương về quản lý nhà nước	X	3	30		15		GDCN	4
17	SMT30014	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	X	3	30		15		GDCN	4
18	LAW31004	Luật dân sự	X	4	30			30	GDCN	4
19	POL11004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X	2	20		10		GDĐC	4
20	SMT31004	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam	X	3	30		15		GDCN	4
21	SMT21002	Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước	X	4	40		20		GDCN	4
22	POL20002	Lịch sử triết học	X	3	30		15		GDCN	5
23	SMT30006	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ	X	4	30			30	GDCN	5
24	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	2	20		10		GDĐC	5
25	SMT31002	Tổ chức chính quyền cơ sở	X	3	30		15		GDCN	5
26	SMT30010	Văn hóa công sở và đạo đức công vụ	X	3	30		15		GDCN	5
27		Tự chọn 3	✓	2	20		10		GDCN	5
28	POL30015	Chính trị với quản lý xã hội	X	4	40		20		GDCN	6
29	POL30026	Chính sách công	X	3	30		15		GDCN	6
30	POL30021	Hành chính học	X	4	30			30	GDCN	6
31	LAW31007	Luật hình sự	X	4	40		20		GDCN	6
32		Tự chọn 4	✓	2	20		10		GDCN	6
33	POL30032	Khoa học quản lý	X	3	30		15		GDCN	7
34	LAW31005	Luật hành chính	X	4	30			30	GDCN	7
35	SMT30011	Quản lý nhà nước về kinh tế	X	4	40		20		GDCN	7
36	SMT30017	Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ	X	3	30		15		GDCN	7

37	SMT30018	Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo	X	3	30		15		GDCN	7
38	SMT31013	Thực tập và đồ án tốt nghiệp	X	8	0	45		75	GDCN	8
				126						

Tự chọn 1: Chọn 1 trong 3 học phần

1	LAW20025	Lịch sử nhà nước và pháp luật	✓	3	30		15		GDĐC	2
2	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	✓	3	30		15		GDĐC	2
3	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	✓	3	30		15		GDĐC	2

Tự chọn 2: Chọn 1 trong 3 học phần

1	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	✓	3	30		15		GDĐC	3
2	ECO21004	Kinh tế học vĩ mô	✓	3	30		15		GDĐC	3
3	EDU20004	Tâm lý học đại cương	✓	3	30		15		GDĐC	3

Tự chọn 3: Chọn 1 trong 3 học phần

1	SMT30003	Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính	✓	2	20		10		GDCN	5
2	POL30019	Công tác đảng và Công tác đoàn thể	✓	2	20		10		GDCN	5
3	SMT30016	Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam	✓	2	20		10		GDCN	5

Tự chọn 4: Chọn 1 trong 3 học phần

1	SMT30008	Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức	✓	2	20		10		GDCN	6
2	POL30025	Xây dựng Đảng	✓	2	20		10		GDCN	6
3	SMT30015	Quản lý nhà nước về quốc phòng an ninh	✓	2	20		10		GDCN	6

Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

Hình 3.1. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

The diagram illustrates the structure of a teaching program, organized by semester (Học kỳ) and subject area. The subjects are categorized into four main groups: Core Subjects (Học kỳ 1-4), Specialized Subjects (Học kỳ 5-8), and Elective Subjects (Học kỳ 5-8). The subjects are interconnected by arrows indicating the flow of the program.

Học kỳ 1: Triết học Mác-Lênin, Nhập môn ngành chính trị-pháp.

Học kỳ 2: KTCT Mác-Lênin, Xã hội học đại cương, Tự chọn 1.

Học kỳ 3: CNXHKKH, Kinh tế học ĐC, Tự chọn 2.

Học kỳ 4: Lịch sử ĐCSVN, Đại cương về QLNN, Tác phẩm MLN và HCM về NN, Luật Dân sự.

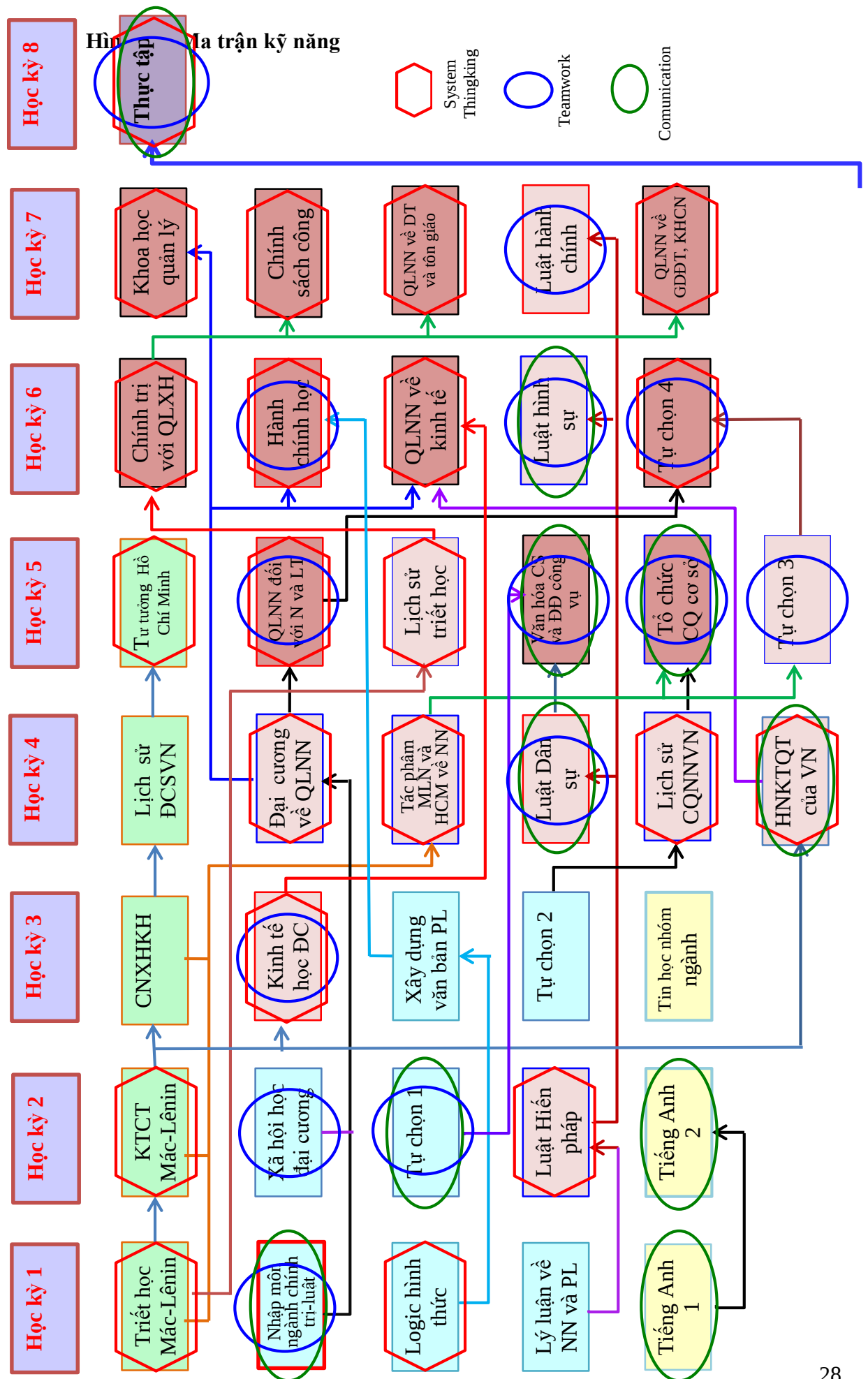
Học kỳ 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh, QLNN đối với N và LT, Lịch sử triết học, Văn hóa CS và ĐĐ công vụ, Tổ chức CQ cơ sở.

Học kỳ 6: Chính trị với QLXH, Hành chính học, QLNN về kinh tế, Luật hình sự, Tự chọn 4.

Học kỳ 7: Khoa học quản lý, Chính sách công, QLNN về DT và tôn giáo, Luật hành chính, QLNN về GDDT, KHCN.

Học kỳ 8: Thực tập.

Other subjects: Logic hình thức, Lý luận về NN và PL, Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tin học nhóm ngành, HNKQT của VN, Tự chọn 3.



PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

PLA20001: Nhập môn nhóm ngành Chính trị - Luật

Mô tả học phần:

Học phần Nhập môn ngành Quản lý nhà nước là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho người học hiểu biết cơ bản về bối cảnh ngành Quản lý nhà nước trên các phương diện: khái niệm, chức năng nhiệm vụ; quá trình hình thành và phát triển; nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và phương pháp tiếp cận trong học tập và nghiên cứu ngành Quản lý nhà nước. Đồng thời, học phần cũng cung cấp những kiến thức và kỹ năng nhập môn, thái độ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của ngành học sau khi tốt nghiệp.

Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên có được những hiểu biết ban đầu về ngành Quản lý nhà nước, hiểu được quá trình phát hiện, phân tích, giải quyết và đánh giá trong hoạt động quản lý nhà nước. Học phần nhằm hình thành ở người học khả năng phân tích ý tưởng, thiết kế và thực hiện đồ án về ngành Quản lý nhà nước, cũng như phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm trong ngành Quản lý nhà nước.

Chuẩn đầu ra học phần:

- *Thể hiện* bản lĩnh, niềm tin và ý thức tôn trọng nghề nghiệp
- *Có khả năng* tư duy hệ thống
- *Thể hiện* khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và giao tiếp bằng văn bản
- *Áp dụng* kỹ năng làm việc nhóm trong thực hiện bài tập đồ án
- *Thể hiện* năng lực nhận diện bối cảnh ngành Quản lý nhà nước trong nước và quốc tế, bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức
- *Áp dụng* những nhận biết về nhu cầu, mục tiêu, vai trò của mỗi vị trí việc làm thuộc nhóm ngành Quản lý nhà nước; thu thập thông tin, quan sát thực tiễn để xây dựng, nội dung, quy trình và tổ chức thực hiện bài tập đồ án học phần

LAW20001: Lý luận về nhà nước và pháp luật

Mô tả học phần

Lý luận về Nhà nước và pháp luật là học phần có vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo của toàn bộ khối ngành khoa học xã hội và nhân văn, được sắp xếp dạy học vào phân kỳ 1 của khóa học. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên một hệ thống tri thức khoa học lý luận về Nhà nước và pháp luật làm nền tảng phương pháp luận cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề chính trị, pháp lý, xã hội ở các nội dung tiếp theo trong chương trình đào tạo tại Trường đại học cũng như quá trình nghiên cứu, làm việc sau này của sinh viên.

Mục tiêu học phần

- Về kiến thức: học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật từ đó xây dựng cho sinh viên cách tư duy khoa học và phương pháp nhận thức khoa học về những vấn đề nhà nước và pháp luật; giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng nhà nước và pháp luật trong thực tế.
- Về kỹ năng: học phần Lý luận về nhà nước và pháp luật nhằm làm hình thành ở sinh viên khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lý khác, nhất

là các môn khoa học pháp lý chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo cử nhân luật. Bên cạnh đó, thông qua học phần, người học hình thành kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của lý luận nhà nước pháp luật.

- Về thái độ: học phần nhằm xây dựng cho người học ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng chính trị, pháp lý trong đời sống xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần:

Hiểu tính độc lập tương đối của pháp luật và sự tác động qua lại giữa pháp luật và các yếu tố/hiện tượng khác trong xã hội (kinh tế, chính trị, đạo đức...)

Hiểu ý nghĩa, sự cần thiết của việc điều chỉnh quan hệ xã hội bằng pháp luật

Hiểu được sự tác động của bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tới pháp luật và sự tác động trở lại của pháp luật đối với xã hội

Xác định điều kiện cần và đủ để từ một quan hệ xã hội trở thành một quan hệ pháp luật Xác định loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý đi liền

Hiểu tính độc lập tương đối và mối quan hệ qua lại giữa các ngành luật trong Hệ thống pháp luật Việt Nam

Hiểu được vai trò của ý thức pháp luật đối với thực hiện pháp luật, vai trò của pháp luật đối với việc củng cố và nâng cao ý thức pháp luật

Hiểu nguyên tắc thống nhất, đồng bộ trong xây dựng hệ thống pháp luật

POL20001: Logic hình thức

Mô tả môn học

Logic hình thức là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành khoa học xã hội và nhân văn. Học phần này nghiên cứu các hình thức cơ bản của tư duy như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và 4 qui luật cơ bản của tư duy. Việc nghiên cứu, học tập Logic hình thức là cần thiết bởi đây là một trong những môn khoa học có vai trò to lớn trong việc giúp con người có khả năng tư duy logic một cách tự giác. Nghiên cứu Logic hình thức giúp nâng cao khả năng phán đoán, suy luận, phát hiện ra những sai lầm, nguy hiểm trong tư duy của bản thân và người khác. Nghiên cứu Logic hình thức cũng góp phần trang bị những công cụ nhận thức hết sức quan trọng để con người có thể đi sâu nghiên cứu trong những lĩnh vực khoa học cụ thể. Việc có được trình độ cao về logic hình thức, hiểu biết sâu sắc về các quy luật, qui tắc lôgic sẽ giúp chúng ta trình bày ý kiến, lập luận của mình một cách chặt chẽ, mạch lạc, thuyết phục hơn.

Mục tiêu môn học

Mục tiêu tổng quát của học phần gồm:

Về kiến thức: Sinh viên hiểu và giải thích được các nội dung kiến thức cơ bản của môn học như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, các quy luật của tư duy như quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái thứ ba, quy luật lý do đầy đủ.

Về kỹ năng: Môn học góp phần quan trọng trong việc rèn luyện khả năng, kỹ năng tư duy logic mà cụ thể là các thao tác tư duy với khái niệm, kỹ năng phán đoán, suy luận, chứng minh. Môn học còn giúp sinh viên áp dụng các kỹ năng này vào việc nghiên cứu, học tập các môn

khoa học khác cũng như vận dụng trong thực tiễn nhận thức, trình bày, tranh luận, hùng biện... trong cuộc sống thường ngày. Từ đó nâng cao khả năng nhận thức và tư duy cho người học.

Về thái độ: Việc hiểu rõ bản chất của tư duy và tư duy logic sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập các môn khác cũng như làm tăng lòng say mê nghiên cứu khoa học, thúc đẩy ham muốn tìm tòi, khám phá, sáng tạo ở người học.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Hiểu được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của Logic hình thức. Hiểu được những vấn đề chung về khái niệm.
- Hiểu được những vấn đề chung về phán đoán; Trình bày được nội dung quy luật đồng nhất; quy luật cấm mâu thuẫn; quy luật loại trừ cái thứ ba; quy luật lý do đầy đủ.
- Hiểu được những vấn đề chung về suy luận, Trình bày được những vấn đề chung về chứng minh.
- Vận dụng, thực hành tốt các thao tác tư duy với khái niệm.
- Có kĩ năng phán đoán, suy luận, chứng minh mạch lạc, logic, vận dụng được các kỹ năng này vào thực tiễn.
- Nhận thức đúng đắn về vai trò của tư duy logic, vận dụng được các kiến thức và kỹ năng tư duy logic trong học tập và nghiên cứu các khoa học chuyên ngành.

ENG10001: Tiếng Anh 1

Mô tả học phần:

Học phần **Tiếng Anh 1** thuộc khối kiến thức đại cương bắt buộc của chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần được thiết kế bao gồm cả phần lý thuyết (30 tiết) và thực hành (15 tiết). Các kiến thức ngôn ngữ ở mức độ cơ bản sẽ được cung cấp ở phần lý thuyết và phần thực hành sẽ tạo cơ hội cho sinh viên áp dụng các kiến thức đã học vào các tình huống giao tiếp cơ bản, quen thuộc hàng ngày thông qua các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Bên cạnh đó, các hoạt động thực hành cũng được thiết kế giúp cho sinh viên phát triển được các kĩ năng làm việc nhóm và kĩ năng giao tiếp một cách hiệu quả.

Mục tiêu học phần:

Học phần **Tiếng Anh 1** được dạy – học theo định hướng giao tiếp. Kết thúc học phần này, người học có thể được (1) trang bị các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và thực hành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết để có thể giao tiếp bằng tiếng Anh một cách hiệu quả trong các tình huống quen thuộc hàng ngày; (2) phát triển kĩ năng làm việc nhóm; (3) hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Chuẩn đầu ra:

Sử dụng được các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội để giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản thông qua 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống hàng ngày.

Hình thành được kĩ năng làm việc nhóm với thái độ tích cực và hiệu quả.

Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ ở mức độ cơ bản.

POL30013 Triết học

Mô tả học phần:

Môn học thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học, bao gồm các nội dung về triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Môn học nhằm trang bị cho người học thế giới quan, phương pháp luận khoa học, giúp người học nắm được các quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất TBCN và chính trị xã hội; bồi dưỡng năng lực vận dụng lý luận Mác – Lênin vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.

Mục tiêu môn học:

Nắm được những kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận.

Nắm được những kiến thức cơ bản về phương thức sản xuất TBCN.

Nắm được những kiến thức cơ bản về chính trị xã hội

Hiểu được sự vận dụng lý luận trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần:

Xác lập thái độ, niềm tin, bản lĩnh chính trị;

Vận dụng lý luận trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Nắm được các nguyên tắc, phương pháp tư duy

POL11002: Kinh tế chính trị Mác- Lênin

Mô tả học phần:

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học.

Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ đó giúp sinh viên hiểu và giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, của Đảng Cộng sản về những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế - chính trị, từ đó có thể phản biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề kinh tế - chính trị.

Chuẩn đầu ra học phần:

Giải thích được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Vận dụng lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế, Vận dụng lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế.

Vận dụng lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội.

Thể hiện bản lĩnh chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Có khả năng phản biện các quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị

LAW30006: Luật Hiến pháp

Mô tả học phần:

Luật Hiến pháp là học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các luật chuyên ngành tiếp theo trong chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản và quan trọng nhất về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Giúp sinh viên có khả năng đánh giá các vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước và thế giới.

Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức của Luật Hiến pháp trong thực tiễn tổ chức và hoạt động của nhà nước, đồng thời, phân tích tình huống pháp lý liên quan đến Luật Hiến pháp cũng như các vấn đề thời sự và bối cảnh thời sự liên quan đến Hiến pháp.

Chuẩn đầu ra học phần:

- *Trình bày* những nội dung cơ bản của luật Hiến pháp
- *Vận dụng* kiến thức của Luật Hiến pháp trong thực tiễn tổ chức và hoạt động của nhà nước
- *Phân tích* các vấn đề thời sự và bối cảnh thời sự liên quan đến Hiến pháp
- *Phân tích* tình huống pháp lý liên quan đến Luật Hiến pháp
- *Thể hiện* tư duy hệ thống, tư duy phản biện
- *Có khả năng* hoạt động nhóm, giao tiếp đa phương tiện

SOW20001: Xã hội học đại cương

Mô tả môn học:

Học phần Xã hội học đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở của nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn, cung cấp cho sinh viên những nội dung nền tảng về đối tượng nghiên cứu, lịch sử phát triển, các lý thuyết xã hội học hiện đại, phương pháp nghiên cứu xã hội học thực nghiệm và hệ thống khái niệm chuyên ngành. Người học có thể hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu cũng như nhận diện, phân tích các hiện tượng xã hội trong đời sống ở nhiều chiều cạnh khác nhau. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng cần thiết như thuyết trình, giao tiếp, tư duy độc lập và làm việc nhóm đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Mục tiêu môn học:

Hiểu được các nội dung về chức năng, các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và các khái niệm cơ bản của Xã hội học như cấu trúc xã hội, thiết chế xã hội, phân tầng, bất bình đẳng xã hội, văn hóa, xã hội hóa, biến đổi xã hội.

Trình bày và phân tích được các hiện tượng, vấn đề xã hội trong đời sống thực tiễn dưới góc độ xã hội học.

Rèn luyện kỹ năng tự tìm kiếm tài liệu, nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu. Trình bày và phân tích được các hiện tượng, vấn đề xã hội trong đời sống thực tiễn dưới góc độ xã hội học.

Rèn luyện kỹ năng tự tìm kiếm tài liệu, nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm trong quá trình học tập.

Vận dụng tri thức mới của Xã hội học để nhận diện và phân tích sự tác động của bối cảnh xã hội đến các hành vi của con người, nhóm và cộng đồng trong đời sống thực tiễn

Chuẩn đầu ra học phần:

Áp dụng kiến thức về toàn cầu hóa để phân tích những thuận lợi và thách thức trong bối cảnh nước ta hiện nay

Áp dụng những kiến thức về phân tầng xã hội vào việc nhận diện và phân tích các hiện tượng phân tầng xã hội trong đời sống thực tiễn Sử dụng kiến thức về phương pháp nghiên cứu Xã hội học để thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu xã hội học thực nghiệm

Nắm vững nội dung cơ bản về lịch sử hình thành, phương pháp nghiên cứu và các lý thuyết, khái niệm cốt lõi của Xã hội học.

ENG10002 Tiếng Anh 2

Mô tả học phần:

Học phần Tiếng Anh 2 thuộc khối kiến thức đại cương bắt buộc của chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần được thiết kế bao gồm cả phần lý thuyết (30 tiết) và thực hành (30 tiết). Các kiến thức ngôn ngữ ở học phần này tiếp nối học phần tiếng Anh 1 và ở mức độ cao hơn. Trong học phần này, người học được phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống quen thuộc, đồng thời phát triển được các kỹ năng làm việc nhóm một cách hiệu quả.

Mục tiêu môn học:

Học phần Tiếng Anh 2 được dạy – học theo định hướng giao tiếp. Kết thúc học phần này, người học có thể được (1) trang bị các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và thực hành phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để có thể giao tiếp bằng tiếng Anh một cách hiệu quả trong các tình huống hàng ngày; (2) phát triển kỹ năng làm việc nhóm với thái độ tích cực; (3) Xây dựng và thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ hiệu quả hơn.

Chuẩn đầu ra học phần:

Sử dụng được các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội để giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống hàng ngày.

Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm với thái độ tích cực và hiệu quả.

Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ ở mức độ cơ bản.

Tự chọn 1

- HIS20003 Lịch sử văn minh thế giới

Mô tả học phần:

Làm rõ các khái niệm văn minh và các khái niệm liên quan.

Quá trình hình thành và phát triển của các nền văn minh trên thế giới.

Quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa các nền, văn minh.

Mục tiêu môn học:

Nắm được các khái niệm văn minh và các khái niệm liên quan

Hiểu được Quá trình hình thành và phát triển của các nền văn minh trên thế giới.

Phân tích được quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa các nền văn minh.

Chuẩn đầu ra học phần:

Nắm được các khái niệm văn minh và các khái niệm liên quan

Phân tích được quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa các nền văn minh.

Hiểu được Quá trình hình thành và phát triển của các nền văn minh trên thế giới.

- HIS20004 Tiến trình lịch sử Việt Nam

Mô tả học phần:

Hiểu được quá trình hình thành và phát triển của quốc gia Việt Nam.

Trang bị cho người học kỹ năng nhận thức và hiểu một vấn đề lịch sử cụ thể.

Giáo dục cho người học lòng yêu nước và tự hào với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Mục tiêu môn học:

Hiểu được quá trình hình thành và phát triển của quốc gia Việt Nam.

Trang bị cho người học kỹ năng nhận thức và hiểu một vấn đề lịch sử cụ thể.

Giáo dục cho người học lòng yêu nước và tự hào với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc

Chuẩn đầu ra học phần:

Giáo dục người học ý thức sống có trách nhiệm với đất nước, với cuộc sống hiện tại

Giáo dục người học lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc

Phát triển tư duy phê phán, năng lực phân tích, tổng hợp một vấn đề lịch sử.

Giúp người học hiểu được việc phân ý lịch sử qua từng thời kỳ, giai đoạn

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay.

- SMT30004 Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam

Mô tả học phần:

Lịch sử chính quyền Nhà nước Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề Lịch sử chính quyền Nhà nước Việt Nam. Đồng thời học phần giúp sinh viên nhận thức rõ vấn đề cơ bản về chính quyền nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau, trong đó làm rõ cơ cấu tổ chức và sự vận hành của nhà nước trong toàn bộ tiến trình lịch sử. Có khả năng vận dụng các kiến thức được trang bị trong môn học trong xây dựng chính quyền nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu môn học:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính quyền nhà nước Việt Nam

qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau, trong đó làm rõ cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương.

- Cung cấp những hiểu biết về hệ thống chính quyền của nước ta trong các giai đoạn lịch sử từ khi hình thành nhà nước Văn Lang - Âu Lạc cho đến nay.

- Hình thành kỹ năng nghiên cứu các vấn đề về xây dựng chính quyền nhà nước trong các giai đoạn lịch sử.

- Rèn luyện ý thức trách nhiệm, có thái độ tích cực đối với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

Chuẩn đầu ra học phần:

Trình bày kiến thức liên quan về nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau.

Thể hiện ý thức trách nhiệm trong xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam hiện nay.

Giải thích được đặc điểm cơ bản và ý nghĩa của chính quyền nhà nước ở nước ta từ nhà nước đầu tiên cho đến nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Đề xuất những giải pháp hoàn thiện chính quyền nhà nước Việt Nam hiện nay.

POL11003: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả học phần:

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần:

- Giải thích kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội.

- Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Chuẩn đầu ra học phần:

Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội

Áp dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn Việt Nam

Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

SMT30001: Kinh tế học đại cương

Mô tả học phần:

Kinh tế học đại cương là môn khoa học xã hội nghiên cứu sự lựa chọn của các cá nhân, doanh nghiệp, Chính phủ và toàn xã hội khi phải đối mặt với sự khan hiếm về các nguồn lực. Môn học cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản để phân tích các hoạt động

kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế dưới góc độ vi mô và vĩ mô.

Dưới góc độ vi mô, môn học giới thiệu những nội dung liên quan đến cung, cầu, sự hình thành giá cả, thị trường, những quy luật tác động đến hành vi sản xuất...; giới thiệu tổng cung, tổng cầu, các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, thất nghiệp, lạm phát và một số chính sách can thiệp vào nền kinh tế của Chính phủ như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ... Thông qua việc cung cấp kiến thức về kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, môn học này góp phần hình thành tư duy kinh tế, bồi dưỡng một số kỹ năng mềm cho người học.

Mục tiêu học phần:

Từ những kiến thức về kinh tế học đại cương, người học có thể hiểu và giải thích được các biểu hiện của nền kinh tế thị trường, như; cơ sở ra quyết định của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường (cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp, nhà nước); thước đo của tăng trưởng; sự hoạt động của quy luật cạnh tranh, cung cầu v.v...

Rèn luyện khả năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên thông qua việc thực hiện dự án học phần; đồng thời giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực trong hoạt động nghiên cứu khoa học

Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo nhóm

Giúp người học có thể nhận ra cơ hội kinh doanh, lên kế hoạch lập thân lập nghiệp cho bản thân.

Chuẩn đầu ra học phần:

- *Giải thích* được kiến thức cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.
- *Thể hiện* khả năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ học tập.
- *Thể hiện* kỹ năng tổ chức nhóm để thực hiện đồ án
- *Thể hiện* kỹ năng lập kế hoạch thực hiện đồ án
- *Thể hiện* kỹ năng triển khai kế hoạch để thực hiện đồ án và công bố kết quả
- *Xây dựng* mục tiêu, phương hướng sản xuất kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường

INF20002: Tin học nhóm ngành

Mô tả học phần:

Đây là học phần bắt buộc, được giảng dạy cho sinh viên các ngành Khoa học Xã hội nhân văn, Sư phạm Anh, Ngôn ngữ Anh, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Giáo dục thể chất. Học phần nhằm trang bị các kiến thức và kỹ năng căn bản về lĩnh vực công nghệ thông tin hỗ trợ trong các ngành, bao gồm các nội dung: Khai thác về hệ điều hành và Internet phục vụ ngành học; Xử lý văn bản và một số chức năng xử lý cao cấp của MS-Word; Sử dụng một số hàm đơn giản của MS-Excel để tính toán trên các bảng dữ liệu; Thực hành kỹ thuật biên tập video và tạo bài giảng hay bài thuyết trình; Kết hợp trình chiếu MS-PowerPoint và sử dụng phần mềm Adobe Presenter tạo bài giảng Elearning. Học phần hỗ trợ sinh viên trong học tập và nghiên cứu các học phần tiếp theo.

Mục tiêu học phần:

Hiểu các khái niệm cơ bản về CNTT. Biết được các khái niệm căn bản về Internet để phục vụ học tập và nghiên cứu.

Áp dụng được các tính năng căn bản trên các ứng dụng cơ bản của MS-Office 2010.

Áp dụng được các tính năng căn bản trên các ứng dụng cơ bản của MS-Office 2010. Áp dụng trình chiếu Movie Maker và phần mềm Adobe Presenter tạo bài giảng Elearning.

Biết được tổ chức bài báo cáo về lĩnh vực học tập và nghiên cứu. Có khả năng thực hiện hoạt động nhóm.

Chuẩn đầu ra:

Hiểu được một số ứng dụng CNTT trong giáo dục.

Hiểu được CNTT hỗ trợ trong giảng dạy và học tập

Hiểu được các thành phần cơ bản của máy tính. Biết được các khái niệm căn bản về Internet. Biết thực hiện thao tác test online các bài đánh giá thường xuyên.

Biết cách tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ học tập và nghiên cứu.

Hiểu được các tính năng căn bản của một hệ soạn thảo và xử lý văn bản.

Áp dụng được các chức năng trên bảng tính bằng công cụ MS-Excel 2010.

Áp dụng được các tính năng căn bản của một công cụ hỗ trợ trình chiếu, thuyết trình.

Áp dụng được các tính năng hỗ trợ trình chiếu, thuyết trình của công cụ MS-PowerPoint 2010. Hiểu được các khái niệm tệp âm thanh, video, cách định dạng tệp âm thanh, video.

Áp dụng vào thiết kế, chỉnh sửa video bằng công cụ Movie Maker.

Hiểu được cách cài đặt và sử dụng phần mềm Adobe Presenter.

Áp dụng tạo bài giảng Elearning bằng Adobe Presenter.

Biết viết bài báo cáo trên các phần mềm soạn thảo.

Có khả năng thực hiện hoạt động nhóm.

Nhận thức được thái độ học tập tự giác, nghiêm túc để rèn luyện kỹ năng Tin học thông qua các bài thực hành.

LAW30036: Xây dựng văn bản pháp luật

Mô tả học phần:

- Học phần Xây dựng văn bản pháp luật là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học và Luật kinh tế

- Học phần cung cấp kiến thức về văn bản pháp luật và hệ thống văn bản pháp luật theo quy định hiện hành, giúp sinh viên nhận diện được văn bản pháp luật và khả năng phân biệt văn bản pháp luật với các văn bản khác, phân biệt các loại văn bản pháp luật với nhau; đồng thời trang bị kiến thức về tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng văn bản pháp luật, , quy trình xây dựng văn bản pháp luật.

- Học phần hướng dẫn sinh viên kỹ năng soạn thảo các loại văn bản pháp luật; thực hiện việc giao tiếp bằng văn bản và cách thức tổ chức, triển khai xây dựng và kiểm tra, rà soát, đánh giá văn bản pháp luật nhằm đáp ứng hiệu quả yêu cầu của hoạt động quản lý nhà nước.

Mục tiêu học phần:

Áp dụng kiến thức chuyên ngành về Luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh tế, luật quốc tế vào hoạt động pháp lý

Thực hiện kỹ năng giao tiếp trong hoạt động pháp lý

Tổ chức thực hiện hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính.

Chuẩn đầu ra học phần:

Nhận diện và phân biệt văn bản pháp luật với văn bản hành chính.

Phân tích các yêu cầu về nội dung, ngôn ngữ, thể thức của văn bản pháp luật.

Thực hành kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật để giao tiếp trong hoạt động quản lý nhà nước.

Thực hành soạn thảo các văn bản pháp luật để giải quyết các tình huống trong lĩnh vực hành chính, hiến pháp.

Tự chọn 2

SMT20001: Đại cương về quản lý nhà nước

Mô tả học phần:

Đại cương về quản lý nhà nước là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành đối với sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về quản lý nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời học phần giúp sinh viên nắm rõ quan điểm, nguyên tắc và quy trình hoạt động quản lý nhà nước. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất một số giải pháp góp ý cho công tác quản lý hành chính nhà trường hay quản lý nhà nước tại địa phương.

Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và lý luận chung về quản lý nhà nước và quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam, từ đó, vận dụng vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước trong thực tiễn.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày nội dung, phương thức quản lý nhà nước
- Trình bày tính chất, đặc điểm của hoạt động quản lý nhà nước
- Trình bày một số vấn đề cơ bản trong hoạt động quản lý nhà nước ở Việt nam hiện nay
- Thể hiện ý thức trách nhiệm công dân trong việc tuân thủ sự quản lý của các cơ quan nhà nước
- Thể hiện khả năng phối hợp với kiến thức quản lý thuộc các ngành liên quan đến vấn đề quản lý hành chính nhà nước
- Vận dụng các kiến thức về quản lý nhà nước trong cải cách nền hành chính nhà nước

SMT30014: Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Mô tả học phần:

Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước.

Học phần này cung cấp một số kiến thức chuyên sâu về toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, như: tổng quan về hội nhập kinh tế quốc tế; các tổ chức kinh tế quốc tế nổi bật hiện nay; thực tiễn hội nhập kinh tế của Việt Nam (quá trình hội nhập, thành tựu, hạn chế, thời cơ, thách thức và giải pháp đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam)... Trên

cơ sở đó, môn học trang bị kiến thức và một số kỹ năng cần thiết cho sinh viên để phục vụ công việc trong tương lai.

Mục tiêu học phần:

Trên cơ sở giúp sinh viên hiểu và giải thích được những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, môn học rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và phản biện các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Từ đó, sinh viên thể hiện được sự tự chủ, độc lập và sự nhìn khách quan về tình hình quốc tế và đất nước.

Chuẩn đầu ra:

- *Giải thích* được những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
- *Thể hiện kỹ năng* phân tích, đánh giá và phản biện các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.
- *Thể hiện* khả năng tự học, tự rèn luyện, tự chủ trong quá trình khám phá tri thức.
- *Phân tích* bối cảnh quốc tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

LAW31004: Luật Dân sự

Mô tả học phần:

Luật dân sự bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ tài sản dưới hình thức hàng hoá - tiền tệ và một số quan hệ nhân thân phi tài sản. Một số chế định cơ bản của luật dân sự như: hợp đồng, quyền sở hữu, thừa kế, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Luật dân sự là môn học nền tảng, cần thiết cho sinh viên ngành quản lý hành chính nhà nước giải quyết được các vấn đề trong thủ tục hành chính tư pháp đối với công dân..

Mục tiêu học phần:

Môn học này được thiết kế nhằm đảm bảo sinh viên có khả năng phân tích và áp dụng các quy định pháp luật từng chế định cụ thể: tài sản, quyền thừa kế, hợp đồng và nghĩa vụ dân sự trong việc giải quyết vụ việc dân sự. Bên cạnh các kỹ năng soạn thảo hợp đồng, soạn thảo văn bản trong phân chia thừa kế, tổ chức và thực hiện các hoạt động pháp lý, sinh viên được rèn luyện về tư duy phản biện đối với vụ việc.

POL11004: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mô tả học phần:

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của các ngành đào tạo. Học phần trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

Mục tiêu học phần:

Học phần Lịch sử Đảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo cách mạng

Việt Nam. Thông qua học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đường lối lãnh đạo của Đảng. Đồng thời rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực phân tích sự kiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Giải thích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.
- Thể hiện bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Rèn luyện được khả năng bảo vệ đường lối của Đảng và rút bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.

SMT31004: Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam

Mô tả học phần:

Lịch sử chính quyền Nhà nước Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề Lịch sử chính quyền Nhà nước Việt Nam. Đồng thời học phần giúp sinh viên nhận thức rõ vấn đề cơ bản về chính quyền nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau, trong đó làm rõ cơ cấu tổ chức và sự vận hành của nhà nước trong toàn bộ tiến trình lịch sử. Có khả năng vận dụng các kiến thức được trang bị trong môn học trong xây dựng chính quyền nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính quyền nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử, qua đó hình thành kỹ năng nghiên cứu các vấn đề về xây dựng chính quyền nhà nước trong các giai đoạn lịch sử, cũng như rèn luyện ý thức trách nhiệm, thái độ tích cực đối với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

Chuẩn đầu ra học phần:

- *Trình bày* những kiến thức cơ bản về chính quyền nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử
- *Trình bày* hệ thống chính quyền của nước ta trong các giai đoạn lịch sử từ khi hình thành nhà nước Văn Lang - Âu Lạc cho đến nay
- *Có khả năng* nghiên cứu các vấn đề về xây dựng chính quyền nhà nước trong các giai đoạn lịch sử
- *Thể hiện* ý thức trách nhiệm, có thái độ tích cực đối với xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

SMT21002: Tác phẩm Mác - Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước

Mô tả học phần:

Học phần Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản lý nhà nước.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các quan điểm cơ bản về nhà nước, quản lý nhà nước của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh trong một số tác phẩm tiêu

biểu. Thông qua đó bồi dưỡng năng lực vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và quản lý nhà nước vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, góp phần hình thành phẩm chất chính trị cho sinh viên.

Mục tiêu môn học:

Giúp sinh viên hiểu được nguồn gốc ra đời và bản chất của nhà nước, vai trò của quản lý nhà nước đối với kinh tế xã hội. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng vào nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đồng thời, trang bị cho sinh viên các kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước; bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Chuẩn đầu ra học phần:

Trình bày các quan điểm C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh về nguồn gốc ra đời và bản chất của nhà nước, quản lý nhà nước

Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và quản lý nhà nước vào nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội,

Thể hiện tư duy hệ thống, tư duy phản biện và khám phá tri thức trong nghiên cứu hoạt động quản lý nhà nước

Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Phân tích mục đích, yêu cầu của hoạt động quản lý nhà nước và các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước nảy sinh trong thực tiễn.

POL20002: Lịch sử triết học

Mô tả môn học:

Lịch sử triết học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản lý nhà nước, khái quát quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng triết học nhân loại, bao gồm: triết học các nước phương Đông, phương Tây, tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ; trình bày tư tưởng cơ bản của các học thuyết và các triết gia tiêu biểu.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử triết học, rèn luyện năng lực vận dụng lý luận triết học vào nhận thức và thực tiễn quản lý nhà nước, đồng thời, trang bị thế giới quan, phương pháp luận khoa học và hình thành ở sinh viên phẩm chất chính trị, đạo đức, nhân văn.

Mục tiêu môn học:

Từ việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng triết học nhân loại, hình thành ở người học thế giới quan, phương pháp luận khoa học và phẩm chất chính trị, đạo đức, nhân văn, học phần *Lịch sử triết học* giúp sinh viên vận dụng tư tưởng triết học vào nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước.

Chuẩn đầu ra học phần:

- *Trình bày* quá trình ra đời và phát triển của triết học ở một số nước phương Đông, phương Tây qua các thời kỳ
- *Trình bày* tư tưởng cơ bản của các trường phái, các nhà triết học trong lịch sử
- *Giải thích* ý nghĩa, ảnh hưởng của tư tưởng triết học đến đời sống chính trị xã hội
- *Vận dụng* tư tưởng triết học vào nhận thức và thực tiễn quản lý nhà nước
- *Hình thành* phương pháp tư duy, năng lực vận dụng lý triết học vào nhận thức và thực tiễn quản lý nhà nước

Thể hiện thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng

Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, nhân văn

SMT30006: Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ

Mô tả học phần:

Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Do tính chất đặc điểm khác nhau của từng vùng lãnh thổ nên cách thức và phương pháp quản lý những vấn đề ngành có thể khác nhau. Tuy nhiên, quản lý nhà nước các vấn đề trên tất cả các lĩnh vực đòi hỏi vừa đảm bảo tính thống nhất vĩ mô trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia nhưng đồng thời có tính đến yếu tố đặc trưng của từng lãnh thổ. Học phần này nhằm giúp cho sinh viên phân định rõ vấn đề đó để sau khi tốt nghiệp có thể vận dụng vào từng địa phương (lãnh thổ) cụ thể.

Mục tiêu học phần:

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ; hình thành kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực; rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm. Đồng thời, giúp người học áp dụng được những kiến thức về quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ vào thực tiễn nghề nghiệp tại địa phương cụ thể.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với ngành
- Trình bày quan niệm, chủ thể quản lý, nội dung quản lý nhà nước đối với vùng lãnh thổ
- Giải thích mối quan hệ giữa quản lý nhà nước theo ngành với quản lý nhà nước theo lãnh thổ
- Thể hiện kỹ năng quản lý thời gian và phân bổ nguồn lực
- Có khả năng triển khai hoạt động nhóm
- Lựa chọn mô hình quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể
- Xây dựng nội dung quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể
- Triển khai thực hiện kế hoạch quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể
- Đánh giá hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể.

POL10002 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mô tả học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, được tổ chức

giảng dạy vào kỳ 5. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện, xây dựng nhân cách để trở thành công dân tốt, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

Mục tiêu môn học:

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, sinh viên bồi dưỡng được các phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách cũng như kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

- Hiểu được các kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.
- Bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.
- Rèn luyện được các kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chuẩn đầu ra:

Giải thích được nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh Giải thích được định hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn thực tiễn xây dựng đất nước.

Bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

Rèn luyện được kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần.

POL31002: Tổ chức chính quyền cơ sở

Mô tả học phần:

Tổ chức chính quyền cơ sở là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành Quản lý Nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về tổ chức chính quyền ở cơ sở trong hệ thống chính quyền 4 cấp ở nước ta hiện nay. Đồng thời học phần giúp sinh viên nắm rõ chức năng nhiệm vụ của chính quyền cơ sở trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề trong lĩnh vực thuộc chính quyền cơ sở.

Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về chính quyền cơ sở, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng chính quyền quyền cơ sở, từ đó vận dụng vào hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về chính quyền cơ sở.

- *Vận dụng* quan điểm, nguyên tắc của chủ Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước về chính quyền quyền cơ sở để giải quyết vấn đề về quản lý ngành và lãnh thổ địa phương cùng vận dụng lý luận vào thực tiễn.

- *Phân tích* tác động của xã hội đối với quản lý nhà nước đối với chính quyền cơ sở để điều chỉnh hoạt động có hiệu quả.

- *Xác định* vai trò, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở cũng như nội dung, phương thức quản lý của bộ máy chính quyền cơ sở.

POL30010: Văn hóa công sở và đạo đức công vụ

Mô tả học phần:

Văn hóa công sở và đạo đức công vụ là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành dùng cho sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Đây là học phần bắt buộc, được giảng dạy ở học kỳ VI theo khung chương trình đào tạo của trường Đại học Vinh. Học phần gồm 3 tín chỉ, bao gồm các vấn đề lý luận chung về văn hóa công sở, đạo đức công vụ; nội dung và biện pháp xây dựng văn hóa công sở, đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay. Học phần nằm trong tổng thể chương trình đào tạo giúp sinh viên ngành Quản lý nhà nước đạt chuẩn theo yêu cầu tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy hành chính Nhà nước hiện hành. Trong phạm vi nghiên cứu học phần, các nội dung đều dựa trên các văn bản, quy chế, quy định về văn hóa công sở, đạo đức công vụ của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam.

Mục tiêu học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa công sở và đạo đức công vụ, về xây dựng văn hóa công sở và đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay, qua đó giáo dục đạo đức và tác phong nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

- *Trình bày* những giá trị cốt lõi của văn hóa công sở và đạo đức công vụ; các nguyên tắc, chuẩn mực của văn hóa công sở, đạo đức công vụ

- *Thể hiện* ý thức xây dựng văn hóa, đạo đức trong giao tiếp, ứng xử của cá nhân; ý thức xây dựng phẩm chất nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp.

- *Vận dụng* kiến thức vào nghiên cứu, phân tích các vấn đề về văn hóa công sở và đạo đức công vụ trong thực tiễn.

- *Thể hiện* năng lực đánh giá các vấn đề; xây dựng môi trường công sở; giao tiếp và ứng xử trong công sở, trong hoạt động thực thi công vụ.

Tự chọn 3

- POL30019: Công tác đảng và công tác đoàn thể

Mô tả học phần:

Công tác Đảng và công tác đoàn thể là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản lý nhà nước. Học phần trang bị những nội dung bản về Đảng và các tổ chức đoàn thể chủ yếu được thành lập, hoạt động trong nhà trường ở Việt Nam, bao gồm tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Công đoàn; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Cung cấp cho các nhà giáo dục các vấn đề liên quan đến

mục tiêu, chương trình, nhiệm vụ của từng tổ chức nhằm tạo điều kiện để làm tốt công tác giáo dục toàn diện giúp người học vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Mục tiêu học phần:

Trang bị kiến thức về tổ chức Đảng và đoàn thể trong trường học và áp dụng kiến thức chuyên sâu về Đảng và đoàn thể để phát triển nghề nghiệp; *giúp người học có khả năng* lãnh đạo, quản lý tổ chức công tác Đảng và đoàn thể trong trường học; *hình thành kỹ năng* giao tiếp và làm việc nhóm trong các tổ chức của hệ thống chính trị, *đồng thời, giải thích* được vai trò của người cán bộ, công chức cùng sự đa dạng trong hoạt động của các tổ chức thuộc hệ thống chính trị.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Hiểu được vai trò vị trí của tổ chức Đảng và đoàn thể trong trường học
- Hình thành kỹ năng giao tiếp
- Thể hiện khả năng làm việc nhóm trong các tổ chức Đảng và đoàn thể
- Giải thích được vai trò của người cán bộ, công chức trong các tổ chức Đảng và đoàn thể
- Giải thích sự đa dạng trong hoạt động của các tổ chức thuộc hệ thống chính trị
- **SMT30016: Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam**

Mô tả học phần:

Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền XHCN mà Việt Nam đang xây dựng, đồng thời làm rõ nội dung và phương hướng xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Học phần giúp sinh viên có thể chủ động về nhận thức và hoạt động thực tiễn, nhanh chóng bắt nhịp với thực tế công việc sau khi ra trường.

Mục tiêu học phần:

Trang bị kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền, nhà nước pháp quyền XHCN; vận dụng quan điểm, nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin và Đảng Cộng sản Việt Nam để xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân vì dân ở Việt Nam. Đồng thời, hình thành kỹ năng nghiên cứu các nhà nước pháp quyền trong thực tiễn và khả năng hợp tác đa ngành; rèn luyện ý thức trách nhiệm, có thái độ đề cao sự công bằng.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền
- Trình bày kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền XHCN
- Giải thích tình hình xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay
- Đề xuất phương hướng và nội dung xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay

POL300015: Chính trị với quản lý xã hội

Mô tả học phần:

Chính trị với quản lý xã hội là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản lý nhà nước; cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về quản lý xã hội theo đường lối chính trị của giai cấp cầm quyền; về chủ thể quản lý xã hội Việt Nam hiện nay cùng những nội dung, phương thức quản lý; về quản lý các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội;

trang bị phương pháp luận để nghiên cứu các vấn đề chính trị xã hội và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước.

Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa chính trị với quản lý xã hội, hoạt động quản lý xã hội của hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay, đồng thời, trang bị cho sinh viên kỹ năng cần thiết để nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước, cũng như phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong của cán bộ, công chức, viên chức.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày quan điểm về quản lý xã hội theo mục tiêu chính trị của giai cấp cầm quyền
- Trình bày các quan điểm về quản lý xã hội trong một số học thuyết chính trị
- Trình bày chủ thể quản lý xã hội và quản lý các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội Việt Nam hiện nay
- Vận dụng lý luận để nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước
- Thể hiện kỹ năng cần thiết trong thực thi công vụ: xử lý, giải quyết vấn đề; thực hiện kế hoạch, dự án...
- Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức và tác phong chuyên nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức.

POL30026: Chính sách công

Mô tả học phần:

Học phần có 3 tín chỉ, được kết cấu gồm 3 chương, sau khi đã hoàn thành các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở khối ngành và cơ sở ngành. Học phần này nhằm giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về chính sách công, quá trình hoạch định chính sách và tổ chức, thực thi chính sách công

Mục tiêu học phần:

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách công, quá trình hoạch định chính sách và tổ chức, thực thi chính sách, đồng thời hình thành ở sinh viên kỹ năng, phẩm chất, tác phong của cán bộ, công chức, viên chức.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày các kiến thức cơ bản về chính sách công, quá trình hoạch định chính sách và tổ chức, thực thi chính sách
- Áp dụng nguyên tắc và quan điểm để xây dựng quy trình hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách công ở Việt Nam
- Thể hiện kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực thi chính sách
- Thể hiện tư duy phản biện trong phân tích, đánh giá chu trình chính sách công
- Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức và ý thức trách nhiệm, hành xử chuyên nghiệp

POL300021: Hành chính học

Mô tả học phần:

Học phần có 6 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của hành chính học. Học phần đi sâu nghiên cứu những vấn đề cơ bản về hành chính và nền hành chính của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; những vấn đề lý luận về cải cách hành chính, thực tiễn cải

cách nền hành chính ở nước ta và những vấn đề cơ bản về công chức, công vụ, công sở ở Việt Nam; những vấn đề về công tác văn bản hành chính – văn phòng.

Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về hành chính, cải cách hành chính, công chức, công vụ và công tác văn bản, hành chính – văn phòng, đồng thời, áp dụng các nghiệp vụ hành chính và tham gia giải quyết các vấn đề công tác hành chính, đặc biệt là Hành chính công, trở thành các công chức tốt trong bộ máy hành chính nhà nước.

Chuẩn đầu ra học phần:

- *Trình bày* những tri thức khoa học về lý luận hành chính, cải cách hành chính, vấn đề công chức, công vụ và về công tác văn bản, hành chính – văn phòng.
- *Giải thích* giải pháp cho công tác kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức hành chính nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- *Thực hiện* công tác hành chính, đặc biệt là Hành chính công.
- *Áp dụng* được các nghiệp vụ hành chính, trở thành các công chức tốt trong bộ máy hành chính nhà nước.
- *Thể hiện* kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm trong cơ quan hành chính
- *Thể hiện* phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp của công chức, viên chức.

LAW30005. Luật hình sự

Mô tả học phần:

Luật hình sự là học phần cung cấp khối kiến thức cơ sở ngành thuộc khung chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật học và Luật kinh tế. Học phần này cung cấp hệ thống kiến thức về tội phạm và hình phạt. Luật hình sự là môn học nền tảng, cần thiết cho sinh viên giải quyết các vấn đề pháp lý thuộc quan hệ pháp luật công và là nền tảng để học các học phần khác như Luật tố tụng hình sự, Quyền con người trong pháp luật hình sự... Đồng thời, người học sẽ hình thành kỹ năng tư duy phản biện; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý và khả năng đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực luật hình sự. Sinh viên được tiếp cận nhiều vụ án hình sự thông qua các tình huống, hồ sơ vụ án thực tế. Đây là cơ sở để sinh viên củng cố kiến thức thông qua thực tiễn, đồng thời là trải nghiệm quý giá để sinh viên hành nghề Luật trong tương lai.

Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần Luật hình sự, về kiến thức: Sinh viên có khả năng áp dụng các quy định pháp luật hình sự trong hoạt động pháp lý bao gồm những quy định chung và những quy định về các tội phạm cụ thể. Về kỹ năng: Sinh viên được rèn luyện về tư duy phản biện các vấn đề pháp lý; thực hiện hoạt động nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý và thực hiện đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực luật hình sự. Đây là những kiến thức, kỹ năng rất cần thiết cho người học để có thể trở thành người hành nghề luật trong tương lai như kiểm sát viên, thư ký tòa án, luật sư...

Chuẩn đầu ra học phần:

Phân tích được khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của Luật hình sự.

Phân tích được khái niệm, phân loại tội phạm và cấu thành tội phạm.

Phân tích được các quy định của pháp luật hình sự về các giai đoạn thực hiện tội phạm

Phân tích được các quy định của pháp luật hình sự về trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp tư pháp.

Áp dụng được các quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt vào tình.

Áp dụng được các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm cụ thể để giải quyết tình huống pháp lý.

Vận dụng các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực hình sự.

Thực hiện hoạt động nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự, tình huống trong lĩnh vực hình sự
Đánh giá hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt

Tự chọn 4

- SMT30008: Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức

Mô tả học phần:

Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức là học phần tự chọn được sắp xếp dạy học vào phân kỳ 6 của khóa học. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về địa vị pháp lý của cán bộ, công chức, viên chức và hệ thống công vụ hiện nay ở Việt Nam. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức trong quá trình tham gia tuyển dụng cũng như thực tiễn làm việc tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập.

Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của pháp luật về cán bộ công chức, viên chức cùng kỹ năng đánh giá thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả nền công vụ, và qua đó hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong, chuẩn mực của người cán bộ công chức, viên chức.

Chuẩn đầu ra học phần:

- *Trình bày* những kiến thức cơ bản về đặc trưng, địa vị pháp lý của cán bộ, công chức, viên chức và nền công vụ
- *Xác định* địa vị pháp lý, vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức
- *Thể hiện* kỹ năng phát hiện vấn đề, xử lý thông tin, phối hợp trong công việc
- *Thể hiện* phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong, chuẩn mực của cán bộ công chức, viên chức.

POL30032: Khoa học quản lý

Mô tả học phần:

Học phần có 3 tín chỉ, được kết cấu gồm 6 chương, thể hiện những nội dung cơ bản của khoa học quản lý, những quy luật, phạm trù, nguyên tắc, phương pháp quản lý cốt lõi phù hợp và đang được vận dụng trong thể chính trị Việt Nam hiện nay. Học phần giúp sinh viên có hiểu biết tổng quát về quản lý và nghệ thuật lãnh đạo, quản lý để có thể vận dụng vào hoạt động quản lý.

Mục tiêu học phần:

Học phần giúp sinh viên có hiểu biết khoa học về: Tổng quan về khoa học quản lý; nguyên tắc và phương pháp quản lý và các chức năng, quy trình quản lý. Việc nắm vững các nguyên lý quản lý, quy luật quản lý, các phạm trù và các khái niệm cơ bản của khoa học quản lý sẽ giúp cho sinh viên có những cơ sở lý luận và phương pháp luận để nhận thức một cách đúng đắn các học phần trong khối kiến thức cơ sở cũng như trong khối kiến thức chuyên ngành.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày các nguyên tắc và phương pháp quản lý, chức năng, quy trình quản lý
- Áp dụng khoa học quản lý vào hoạt động quản lý
- Thể hiện kỹ năng phát hiện vấn đề, xử lý thông tin, phối hợp trong hoạt động quản lý
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong của người cán bộ quản lý

POL31005: Luật hành chính

Mô tả học phần:

Luật hành chính là học phần được sắp xếp dạy học vào phân kỳ 5 của khóa học. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về hoạt động quản lý hành chính nhà nước theo quy định pháp luật. Giúp sinh viên nhìn nhận quá trình quản lý hành chính nhà nước dưới góc nhìn của pháp luật, từ đó hiểu và thực hành tốt công việc sau khi ra trường.

Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật hành chính cùng kỹ năng thực hành công việc liên quan đến pháp luật; hình thành ở sinh viên khả năng vận dụng những kiến thức về luật hành chính để phân tích, đánh giá các hiện tượng pháp luật, cũng như phẩm chất chính trị - pháp lý.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày những kiến thức cơ bản về luật hành chính
- Vận dụng kiến thức về luật hành chính trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước
- Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, cập nhật thông tin, quản lý thời gian và nguồn lực
- Thể hiện thái độ tiếp nhận phản biện và điều chỉnh, xem xét ý kiến phản biện trong nghề nghiệp
- Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp của công chức, viên chức.

POL30011: Quản lý nhà nước về kinh tế

Mô tả học phần:

Quản lý nhà nước về kinh tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản của quản lý nhà nước về kinh tế, mục tiêu, công cụ, chính sách quản lý và mối quan hệ giữa nhà nước với doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó người học nắm được quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở Việt Nam, nâng cao nhận thức và có năng lực phân tích, giải quyết các vấn đề về quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện đại.

Mục tiêu học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế.
- Vận dụng nguyên lý của Chủ nghĩa Mác- Lênin và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.
- Hình thành kỹ năng tự học, kỹ năng phân tích và vận dụng lý luận môn học vào thực tiễn cho sinh viên.
- Rèn luyện cho sinh viên phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm, thái độ khách quan, toàn diện đối với việc quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế.
- Vận dụng quan điểm, nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin và Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.
- Thể hiện kỹ năng tự học, kỹ năng phân tích và vận dụng lý luận môn học vào thực tiễn cho sinh viên.
- Thể hiện phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm, thái độ khách quan, toàn diện đối với việc quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

37. SMT30017: Quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

Mô tả học phần:

Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên tự tin và có kỹ năng vận dụng hiểu biết của mình vào hoạt động thực tế công việc sau khi ra trường.

Mục tiêu học phần:

Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về vấn đề giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; hình thành kỹ năng tự học và khả năng học suốt đời; rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong bối cảnh nghề nghiệp, đồng thời, áp dụng được những kiến thức quản lý nhà nước về vấn đề giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ vào thực tiễn nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với vấn đề giáo dục và đào tạo.
- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với khoa học và công nghệ.
- Giải thích chính sách nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ
- Thể hiện khả năng thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế
- Phân tích thực trạng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ
- Đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề trong quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong thực tế

Đánh giá hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ của các bộ, ban, ngành và chính quyền địa phương các cấp

38. SMT30013 Thực tập và đồ án tốt nghiệp

Mô tả học phần:

Thực tập và đồ án tốt nghiệp là môn học bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản lý nhà nước. Học phần củng cố và rèn luyện cho sinh viên biết vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng nghề nghiệp ngành Quản lý nhà nước vào thực hành nghề nghiệp tại môi trường cụ thể trong thực tiễn và tạo ra một sản phẩm có thể giới thiệu, trình bày.

Mục tiêu môn học:

- Vận dụng kiến thức quản lý nhà nước đối các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội vào thực tiễn công việc.
- Thể hiện phẩm chất cá nhân và đạo đức công vụ.
- Thể hiện kỹ năng giao tiếp trong hoạt động quản lý nhà nước.
- Thể hiện kỹ năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước

Chuẩn đầu ra học phần:

Vận dụng kiến thức quản lý nhà nước đối các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội
Có khả năng quản lý thời gian và nguồn lực trong quản lý nhà nước
Thể hiện đạo đức công vụ, hành xử chuyên nghiệp trong quản lý nhà nước
Triển khai hoạt động nhóm

PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Căn cứ pháp lý để xây dựng và thực hiện chương trình;
- Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình;
- Trách nhiệm của Bộ môn/khoa/viện/trường
- Trách nhiệm của giảng viên
- Trách nhiệm của sinh viên

PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
1	Lê Thị Nam An, 1980	Giảng viên	Thạc sĩ, 2007 Việt Nam	- Học phần 5 (Triết học Mác-Lênin) - Học phần 2 (Lôgíc hình thức) - Học phần 27
2	Phạm Thị Bình, 1971	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	- Học phần 5 (Triết học Mác-Lênin) - Học phần 36 (Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ)
3	Bùi Thị Cần, 1981, Phó Trưởng khoa GDCT	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	- Học phần 26 (Tư tưởng Hồ Chí Minh)
4	Phan Huy Chính, 1969	Giảng viên	Thạc sĩ, 2004 Việt Nam	- Học phần 2 (Lôgíc hình thức) - Học phần 5 (Triết học Mác-Lênin) - Học phần 22 (Lịch sử triết học)
5	Nguyễn Thị Diệp, 1969	Giảng viên chính	Thạc sĩ, 2003 Việt Nam	- Học phần 6 (Kinh tế chính trị Mác – Lênin) - Quản lý nhà nước về kinh tế
6	Đinh Thế Định, 1958	Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, 2003 Việt Nam	- Học phần 11 (Chủ nghĩa xã hội khoa học) - Học phần 21 (Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước)
7	Trần Thị Hạnh, 1985	Giảng viên	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	- Học phần 19 (Lịch sử Đảng CS Việt Nam)
8	Lê Thị Thanh Hiếu, 1988	Giảng viên	Thạc sĩ, 2010 Việt Nam	- Học phần 23 (Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ)

				- Học phần 16 (Đại cương về quản lý nhà nước)
9	Dương Thị Mai Hoa, 1988	Giảng viên	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	- Học phần 19 (Lịch sử Đảng CS Việt Nam) - Học phần 25 (Công tác Đảng và công tác đoàn thể)
10	Phạm Thị Thúy Hồng, 1984	Giảng viên	Thạc sĩ, 2008 Việt Nam	- Học phần 16 (Đại cương về quản lý nhà nước) - Học phần 11 (Chủ nghĩa xã hội khoa học)
11	Nguyễn Thị Mỹ Hương, 1975	Giảng viên chính	Thạc sĩ, 2004 Việt Nam	- Học phần 6 (Kinh tế chính trị) - Học phần 17 (Hội nhập kinh tế quốc tế) - Học phần 28 (Kinh tế học đại cương)
12	Vũ Thị Phương Lê, 1975, Trưởng khoa CT&Báo chí	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	- Học phần 11 (Chủ nghĩa xã hội khoa học) - Học phần 35 (Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo) - Học phần 38 (Thực tập và đồ án tốt nghiệp)
13	Hoàng Thị Nga, 1970	Giảng viên	Thạc sĩ, 2005 Việt Nam	- Học phần 11 (Chủ nghĩa xã hội khoa học)
14	Trần Cao Nguyên, 1982	Giảng viên	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	- Học phần 18 (Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam) - Học phần 19 (Lịch sử Đảng CS Việt Nam)
15	Trần Viết Quang, 1963, Phó Hiệu trưởng	Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, 2009 Việt Nam	- Học phần 21 (Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước) - Học phần 22 (Lịch sử triết học) - Học phần 29 (Chính trị với quản lý xã hội)

16	Nguyễn Văn Sang, 1983	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	- Học phần 2 (Logic hình thức) - Học phần 25 (Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam)
17	Nguyễn Thái Sơn, 1969, Trưởng khoa GDCT	Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, 2001 Việt Nam	- Học phần 2 (Logic hình thức) - Học phần 5 (Triết học Mác-Lênin) - Học phần 33 (Khoa học quản lý)
18	Trương Thị Phương Thảo, 1982	Giảng viên	Tiến sĩ, 2020 Việt Nam	- Học phần 1 (Nhập môn nhóm ngành Chính trị - Luật) - Học phần 25 (Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam) - Học phần 27 (Văn hóa công sở và đạo đức công vụ)
19	Đinh Trung Thành, 1970	Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, 2009 Việt Nam	- Học phần 17 (Hội nhập kinh tế quốc tế) - Học phần 28 (Chính sách công) - Học phần 28 (Kinh tế học đại cương)
20	Nguyễn Văn Trung, 1978, Trưởng khoa DL-CTXH	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	- Học phần 19 (Lịch sử Đảng CS Việt Nam) - Học phần 24 (Tổ chức chính quyền cơ sở) - Học phần 25 (Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính)
21	Phan Văn Tuấn, 1983, Phó Trưởng khoa CT&BC	Giảng viên	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	- Học phần 21 (Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước) - Học phần 28 (Chính sách công) - Học phần 33 (Khoa học quản lý)

22	Nguyễn Thị Lê Vinh, 1988	Giảng viên	Thạc sĩ, 2001 Pháp	- Học phần 23 (Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ) - Học phần 35 (Quản lý nhà nước đối với dân tộc và tôn giáo)
23	Nguyễn Thị Hải Yến, 1982	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2018 Việt Nam	- Học phần 6 (Kinh tế chính trị) - Học phần 37 (Quản lý nhà nước về kinh tế)
24	Phạm Thị Bình	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	- Học phần 5 (Triết học Mác-Lênin) - Học phần 36 (Quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo, khoa học – công nghệ)
25	Hắc Xuân Cảnh	Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam	- Học phần 9 (Tiến trình lịch sử Việt Nam) - Học phần 18 (Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam)
26	Phạm Thị Thúy Liễu	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2016 Việt Nam	Học phần 20 (Luật Dân sự)
27	Hà Thị Thúy	Giảng viên	Tiến sĩ, 2019 Việt Nam	Học phần 20 (Luật Dân sự)
28	Nguyễn Thị Thanh	Giảng viên	Tiến sĩ, 2021 Việt Nam	Học phần 20 (Luật Dân sự)
29	Nguyễn Văn Đại	Giảng viên	Tiến sĩ, 2017, Việt Nam	Học phần 3 (Lý luận về nhà nước và pháp luật)
30	Ngô Thị Thu Hoài	Giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Học phần 3 (Lý luận về nhà nước và pháp luật)
31	Đinh Văn Liêm	Giảng viên	Tiến sĩ, 2017, Việt Nam	Học phần 3 (Luật Hiến pháp)
32	Hồ Thị Nga	Giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Học phần 3 (Luật Hiến pháp)
33	Nguyễn Thị Hà	Giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	- Học phần 34 (Luật hành chính) - Học phần tự chọn 4 (Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức)

34	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	- Học phần 34 (Luật hành chính) - Học phần tự chọn 4 (Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức)
35	Nguyễn Văn Dũng	Giảng viên	Tiến sĩ, 2002, Liên bang Nga	Học phần 31 (Luật Hình sự)
36	Bùi Thị Phương Quỳnh	Giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Học phần 31 (Luật Hình sự)
37	Nguyễn Thị Thùy Dung	Giảng viên	Tiến sĩ, 2019, Việt Nam	Học phần 15 (Xây dựng văn bản pháp luật)
38	Nguyễn Thị Mai Anh	Giảng viên	Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Học phần 15 (Xây dựng văn bản pháp luật)

PHỤ LỤC 2

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Trường Đại học Vinh có hệ thống các nhà với diện tích sàn là 74.108 m², diện tích xây dựng là 27.398 m², diện tích sử dụng là 66.700 m², tổng nguyên giá là 110.960 triệu đồng. Hệ thống nhà cửa được phân bố theo mục đích sử dụng (hoạt động sự nghiệp, phòng học). Trường có trên 300 lớp đại học học tại trường. Nhà trường đã có hệ thống phòng học trên 200 phòng (156 phòng học nhà cao tầng, 46 phòng học cấp 4 đã được nâng cấp) với tổng diện tích 15.723 m² sử dụng. Bình quân 1 ca học bố trí được 13.000 chỗ ngồi với diện tích sử dụng bình quân là 2 m²/1 ca (chưa kể diện tích học tập tại phòng thí nghiệm, thực hành, ký túc xá...).

Với sự đầu tư bằng kinh phí Nhà nước và vốn tự có của Nhà trường, các phòng học được trang bị đủ tiêu chuẩn chiếu sáng, bàn ghế, bảng chống lóa đúng tiêu chuẩn và cùng nhiều trang thiết bị điện tử khác. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy, học và đào tạo theo tín chỉ, đến nay, Trường đã có khả năng đáp ứng nhu cầu giảng dạy bằng bài giảng điện tử trên quy mô lớn (ngoài 44 phòng có hỗ trợ bằng thiết bị nghe nhìn, các khoa còn có 5 - 7 bộ thiết bị di động phục vụ khi có nhu cầu). Hệ thống thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu đào tạo đa ngành. Hệ thống phòng học, giảng đường đạt tiêu chuẩn đã và đang được xây dựng; hệ thống phòng thí nghiệm, thư viện đang được hoàn chỉnh, hiện đại hóa; cơ sở hạ tầng được cải tạo, nâng cấp.

Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh, Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn có phòng tư liệu riêng phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và sinh viên, học viên. Nhà trường cũng đã bố trí cho Viện hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban lãnh đạo Viện, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thực hành bộ môn với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn.

T T	Mã HP	Tên học phần	1.1		1.2		1.3		2.1					2.2		3.1		3.2		4.1				4.2			
			1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.1.2	4.1.3	4.1.4	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
I	Giáo dục đại cương																										
	Các học phần đại cương chung (21)																										
1	POL11001	Triết học Mác-Lênin	K2								S2			A2													
2	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	K2								S2			A2													
3	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K3								S2			A3													
4	POL11004	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	K3								S2			A3													
5	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K3								S2			A3	A2												
6	ENG10001	Tiếng Anh 1		K2						S2									S2								
7	ENG10002	Tiếng Anh 2		K2						S2									S3								
8	INF20002	Tin học		K2						S2									S3								
	Các học phần đại cương khối ngành																										
9	PLA20001	Nhập môn ngành chính trị -luật		K3									S2		A2	S2				K3				C3	C3	C3	C3
10	POL20001	Lôgic hình thức		K3							S3							S2									

1 1	LAW30006	Luật hiến pháp			K2							A3								K2	K2				
1 2	LAW21001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	K3										A2						K2						
1 3	SOW20001	Xã hội học đại cương		K3									A2		S2			K3							
1 4		Tự chọn 1																							
1 5		Tự chọn 2																							
Giáo dục chuyên nghiệp																									
	Các học phần cơ sở ngành																								
1 6	SMT20001	Đại cương về quản lý nhà nước			K2			S2		S3			A3								K2				
1 7	SMT30014	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam			K3			S2	S3						S3			K3							
1 8	SMT30001	Kinh tế học đại cương			K3						S3		A3	S3						K3	C4	C4	C4	C4	
1 9	SMT31004	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam			K2				S3			A3													
2 0	POL20002	Lịch sử triết học			K3				S3			A3													
2 1	LAW31004	Luật dân sự			K3						S3		A3	S3						K3		C4	C4	C4	C4
2 2	LAW31005	Luật hành chính			K3						S3		A3	S3							K3	C4	C4	C4	C4
2 3	LAW31007	Luật hình sự			K3				S3											K3					

2 4	SMT21002	Tác phẩm Mác- Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước			K4					S4			A4														
2 5	LAW30036	Xây dựng văn bản pháp luật				K3				S4							S2										
2 6		Tư chọn 3																									
	Các học phần chuyên ngành																										
2 7	POL30015	Chính trị với quản lý xã hội					K3		S2				A4			S3						K3					
2 8	POL30026	Chính sách công					K3		S2												K3						
2 9	POL30021	Hành chính học						K3					S4		A3	S3						K3		C4	C4	C4	C4
3 0	POL30032	Khoa học quản lý					K3										S2					K3					
3 1	SMT30011	Quản lý nhà nước về kinh tế						K3				S4				S3					K3						
3 2	SMT30017	Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ						K3		S4		S4					S3				K4						
3 3		Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ						K4					S4		A4	S3						K3		C4	C4	C4	C4
3 4	SMT30018	Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo						K4	S2			S3					S3						K4				
3 5	SMT31002	Tổ chức chính quyền cơ sở					K3										S3						K4				
3 6	SMT30010	Văn hóa công sở và đạo đức công vụ					K3								A4			S4	S4			K4	K4				

3 7		Tự chọn 4																									
3 8	SMT31013	Thực tập và đồ án tốt nghiệp					K4				S4	S4		A4	S4	S4	S4				K4		C4	C4	C4	C4	
Các học phần tự chọn																											
		Tự chọn 1																									
1	LAW20025	Lịch sử nhà nước và pháp luật		K3												S2			K2								
2	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới		K3												S2			K2								
3	HIS20004	Tiền trình lịch sử Việt Nam		K3												S2			k2								
	Tự chọn 2																										
1	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam		K3					S3										K3								
2	ECO21004	Kinh tế học vĩ mô		K3					S3										K3								
3	EDU20004	Tâm lý học đại cương		K3					S3										K3								
	Tự chọn 3																										
1	SMT30003	Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính				K4				S2									K3								
2	POL30019	Công tác Đảng và Công tác đoàn thể				K4				S2									K3								
3	SMT30016	Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam				K4				S2									K3								

